

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ ĐỊNH AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 05/NQ-HĐND

Định An, ngày 16 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Định An,
huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đến năm 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ ĐỊNH AN
KHÓA V - KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 3767/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch vùng huyện Dầu Tiếng
đến năm 2040;

Căn cứ Công văn số 529/UBND-TH ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban
nhân dân huyện Dầu Tiếng về việc chấp thuận chủ trương điều chỉnh Quy hoạch xây
dựng nông thôn mới của 08 xã giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn 2030;

Căn cứ Công văn số 447/UBND-TH ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân huyện Dầu Tiếng về việc chấp thuận chủ trương điều chỉnh chủ đầu tư Quy
hoạch chung xây dựng xã Thanh An; Định Thành; Định Hiệp; Long Tân; Minh Tân;
Minh Thạnh; Định An; An Lập.

Căn cứ Quyết định số 3767/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân huyện Dầu Tiếng về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch vùng huyện Dầu Tiếng
đến năm 2040;

Sau khi xem xét Tờ trình số 25/TTr-UBND, ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Ủy
ban nhân dân xã Định An về việc phê chuẩn đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã
Định An, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra số
12/BC-HĐND, ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND xã về thẩm
tra các dự thảo Nghị quyết thuộc lĩnh vực KT-XH trình kỳ họp thứ Chín- HĐND xã
khóa V và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân xã Định An nhất trí thông qua Đồ án Quy hoạch
chung xây dựng xã Định An, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đến năm 2030.

(có phụ lục kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân xã Định An giao Ủy ban nhân dân xã phối hợp với UB.MTTQ xã, các tổ chức chính trị xã hội khác tổ chức triển khai và chỉ đạo thực hiện tốt Nghị quyết theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tăng cường giám sát và đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 28/12/2021 của HĐND xã Định An khóa V, kỳ họp thứ Tư.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Định An khóa V, kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT. Đảng ủy xã ;
- TT. HĐND - UBND xã;
- Các Đại biểu HĐND;
- Các ngành, đoàn thể;
- Niêm yết;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lê Quốc Tuấn

BẢNG MÔ TẢ CHI TIẾT VÀ PHỤ LỤC
ĐỒ ÁN QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ ĐỊNH AN
HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐND, ngày 16/7/2024 của HĐND xã Định An)

1. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch

Toàn bộ diện tích xã Định An. Tổng diện tích xã Định An là **7.006,66 ha**; với tư cận như sau:

- Phía Đông giáp: xã Minh Tân;
- Phía Tây giáp: xã Định Thành;
- Phía Nam giáp: xã Định Hiệp;
- Phía Bắc giáp: xã Minh Hoà.

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã

Là xã nông thôn, kinh tế phát triển theo hướng nông nghiệp công nghệ cao kết hợp phát triển du lịch và công nghiệp. Cơ cấu kinh tế đến năm 2030: Nông nghiệp – Công nghiệp – Dịch vụ, du lịch.

3. Quy mô dân số, lao động; các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

Dự báo quy mô dân số xã Định An điều chỉnh đến năm 2030 khoảng 16.000 người.

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật: (phụ lục đính kèm)

4. Phân khu chức năng

4.1. Hệ thống các điểm dân cư trên địa bàn xã Định An bao gồm:

- Khu dân cư trung tâm xã: Vị trí tại ngã giao đường ĐT 744B và ĐH 701 (thuộc các ấp Chiến Thắng, An Phước), quy mô khoảng 170 ha. Trong đó khu dân cư kiểu mẫu quy mô khoảng 34,9 ha.

- Điểm dân cư số 2 - ấp Định Thới, An Thới, An Thọ: Vị trí tại ngã giao đường ĐT 744B và đường ĐH 715, quy mô khoảng 280 ha.

- Điểm dân cư số 3 - ấp An Lộc: vị trí dọc theo trục đường ĐH 715, quy mô khoảng 27 ha.

- Điểm dân cư số 4 - ấp Bầu Dầu: Vị trí tại ngã giao đường ĐT 744 và đường huyện quản lý 1, quy mô khoảng 73 ha (thuộc dự án Khu nhà ở Định An – Dầu Tiếng).

- Điểm dân cư số 5 - ấp Đồng Sến: Vị trí tại ngã giao đường ĐT 744 và ĐH 715ND, quy mô khoảng 97 ha.

- Điểm dân cư số 6 – ấp Đồng Sầm: Vị trí tại ngã giao đường ĐT 744 và Định An 75, quy mô khoảng 12 ha.

Ngoài ra, có các tuyến dân cư mật độ thấp dọc theo các trục đường chính của xã: Đường ĐT 744, đường huyện quản lý 1, đường huyện quản lý 2, đường Định An 75, đường Định An 88, đường ĐH 715ND,....

4.2. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất:

a. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất nông nghiệp:

Vùng trồng cây ăn trái 1:

+ Vị trí: Phía Bắc xã tại ấp Đồng Sến.

+ Quy mô: Khoảng 279 ha, toàn bộ diện tích thuộc nông nghiệp tiểu điền.

Vùng trồng cây ăn trái 2:

+ Vị trí: Phía bắc xã tại ấp Bầu Dầu.

+ Quy mô: Khoảng 557 ha, toàn bộ diện tích thuộc nông nghiệp tiểu điền.

Vùng trồng cây cao su:

+ Vị trí: Phía nam xã tại các ấp Định Thới, Đồng Sâm, An Thới, An Thọ, An Lộc, An Phước, Chiến Thắng.

+ Quy mô: Khoảng 1.972 ha, trong đó diện tích vùng trồng cây cao su do nông trường Trần Văn Lưu quản lý chiếm phần lớn.

b. Định hướng tổ chức công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:

Khu vực phát triển công nghiệp chế biến nông sản:

+ Vị trí: Nằm trong các vùng phát triển nông nghiệp (vùng trồng cây ăn trái 1,2 và vùng trồng cây lâu năm).

Khu phức hợp điện năng lượng mặt trời và năng lượng tái tạo:

+ Vị trí: Phía nam xã tại ấp Đồng Sâm và ấp Chiến Thắng.

+ Quy mô: khoảng 485,7 ha.

Cụm công nghiệp Định Hiệp:

+ Vị trí: Phía nam xã tại ấp Chiến Thắng.

+ Quy mô: Khoảng 22,3 ha (thuộc dự án Cụm công nghiệp Định Hiệp 1, quy mô 75 ha).

Khu vực sản xuất VLXD, gốm sứ:

+ Vị trí: Hiện hữu ở phía nam xã tại ấp An Lộc.

+ Quy mô: Khoảng 10,4 ha.

Khu sản xuất tập trung 1:

+ Vị trí: ấp An Lộc tại vị trí giao của đường ĐH715 và ĐH701 nối dài

+ Quy mô: Khoảng 24,67 ha.

Khu sản xuất tập trung 2:

75. + Vị trí: ấp Đồng Sầm gần vị trí giao của đường DDT744 và đường Định An

+ Quy mô: Khoảng 23,23 ha.

4.3. Định hướng tổ chức du lịch

Vùng phát triển du lịch ven hồ Dầu Tiếng:

+ Vị trí: Phía Bắc xã tại ấp Đồng Sển, ven bờ hồ Dầu Tiếng.

+ Quy mô: khoảng 201,3 ha.

Vùng du lịch kết hợp sản xuất nông nghiệp 1:

+ Vị trí: Phía bắc xã tại ấp Đồng Sển (thuộc vùng trồng cây ăn trái 1).

+ Quy mô: khoảng 281,4 ha.

Vùng du lịch kết hợp sản xuất nông nghiệp 2:

+ Vị trí: Phía bắc xã tại ấp Bầu Dầu (thuộc vùng trồng cây ăn trái 2).

+ Quy mô: khoảng 623,4 ha.

4.4. Định hướng tổ chức các khu chức năng

Sân bay quốc phòng Dầu Tiếng:

+ Vị trí: ấp Đồng Sầm và ấp Chiến Thắng

+ Quy mô: 50 ha

Nghĩa trang nhân dân:

+ Vị trí: ấp Chiến Thắng (trên đường ĐH 701)

+ Quy mô: 50 ha

Chùa Định An

+ Vị trí: ấp Đồng Sển

+ Quy mô: 2,39 ha

4.5. Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng

Công trình cấp xã:

Trụ sở Ủy ban nhân dân xã

- Hiện trạng: Hiện trạng: Vị trí tại ấp An Phước (trên đường ĐH 704), quy mô 0,6 ha.

- Định hướng đến 2030:

+ Mở rộng quy mô tại vị trí Ban chỉ huy quân sự xã hiện hữu.

+ Bố trí mới khu đất diện tích 2,0 ha (kế bên chợ Định An) trên đường ĐT 744B dùng để dự trữ xây dựng UBND.

Ban chỉ huy quân sự

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp An Phước (trên đường ĐH 704), quy mô 0,08 ha.

- Định hướng đến 2030: Theo định hướng quy hoạch sử dụng đất huyện Dầu Tiếng, xây dựng mới xã đội Định An quy mô 3 ha tại ấp Chiến Thắng, trên đường ĐT 744B.

Công an xã Định An

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp An Phước (trên đường ĐH 704), quy mô 0,3 ha.

- Định hướng đến 2030: Giữ nguyên hiện trạng, quy mô 0,33 ha, trên đường ĐT 744B.

Nhà văn hoá ấp An Phước

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp An Phước, quy mô 0,03 ha, trên đường ĐH 704.

- Định hướng đến 2030: Bố trí quỹ đất xây dựng mới nhà văn hoá và sân sinh hoạt VH - TDTT ấp An Phước với quy mô 0,5 ha tại lô 51D, ấp An Phước. Trên đường Định An 14. Quy mô 0,3 ha.

Nhà văn hoá ấp Chiến Thắng

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp Chiến Thắng (trên đường ĐH 704), quy mô 0,1 ha.

- Định hướng đến 2030: Giữ nguyên hiện trạng, sử dụng chung sân sinh hoạt VH - TDTT tại ấp An Phước, trên đường ĐT 744B. Quy mô 0,07 ha cập nhật theo lộ giới.

Nhà văn hoá ấp An Lộc

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp An Lộc (trên đường ĐH 715), quy mô 0,7ha.

- Định hướng đến 2030: Giữ vị trí hiện hữu nhà văn hoá ấp An Lộc và đầu tư xây dựng sân sinh hoạt VH - TDTT ấp An Lộc, trên đường ĐH 715. Quy mô 0,49 ha cập nhật theo lộ giới.

Nhà văn hoá ấp An Thọ

- Hiện trạng: vị trí tại ấp An Thọ, quy mô 0,03 ha.

- Định hướng đến 2030: Mở rộng quy mô nhà văn hoá ấp An Thọ tại vị trí cũ, trên đường ĐT 748ND. Đầu tư xây dựng sân sinh hoạt VH - TDTT. Quy mô 0,5 ha.

Nhà văn hoá ấp Định Thới

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp Định Thới (trên đường ĐH 704), quy mô 0,07 ha.

- Định hướng đến 2030:

+ Giữ nhà văn hóa ấp theo hiện trạng, trên đường ĐH 704. Quy mô 0,05 ha cập nhật theo lộ giới.

+ Sử dụng chung sân sinh hoạt VH - TDTT với các ấp An Thới, An Thọ.

Nhà văn hoá ấp An Thới

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp An Thới (trên đường ĐH 704), quy mô 0,06 ha.

- Định hướng đến 2030: Mở rộng quy mô nhà văn hoá ấp An Thới tại vị trí cũ, trên đường ĐH 715ND. Đầu tư xây dựng sân sinh hoạt VH - TDTT, quy mô 0,5 ha.

Nhà văn hoá ấp Bầu Dầu

- Hiện trạng: Đã đầu tư xây dựng nhà văn hoá và sân sinh hoạt VH – TDTT ấp Bầu Dầu theo quy hoạch được duyệt, quy mô 0,25 ha. Vị trí nhà văn hoá ấp Bầu Dầu hiện không sử dụng chuyển thành đất dự trữ phát triển công trình công ích.

- Định hướng đến 2030: Giữ nguyên hiện trạng, trên đường ĐT 744, quy mô 0,07ha cập nhật theo lộ giới.

Nhà văn hoá ấp Đồng Sến

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp Đồng Sến, quy mô 0,03 ha.

- Định hướng đến 2030:

+ Mở rộng quy mô nhà văn hóa ấp Đồng Sến, trên đường N3-ĐA88. Quy mô 0,08 ha.

+ Sử dụng chung sân sinh hoạt VH - TDTT với ấp Đồng Sầm.

Nhà văn hoá ấp Đồng Sầm

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp Đồng Sầm trên đường ĐT 744, quy mô 0,08 ha.

- Định hướng đến 2030: Mở rộng quy mô nhà văn hoá ấp Đồng Sầm (tại vị trí nhà trẻ nông trường ấp Đồng Sầm không sử dụng), trên đường ĐT 744 và bố trí mới quỹ đất 0,11 ha đầu tư xây dựng sân sinh hoạt VH - TDTT ấp Đồng Sầm. Quy mô 0,22 ha.

Trường mầm non Định An

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp An Phước (kế bên UBND xã), quy mô 0,38 ha.

- Định hướng đến 2030: Mở rộng quy mô trường mầm non Định An tại vị trí trạm y tế xã Định An không sử dụng, trên đường ĐH 701ND, quy mô 0,53 ha.

Trường mầm non Định An cơ sở 2

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp An Phước, quy mô 0,28ha.

- Định hướng đến 2030: Giữ nguyên hiện trạng, trên đường Định An 14 quy mô 0,21 ha cập nhật theo lộ giới.

Trường mầm non Bình Mỹ

- Hiện trạng: Hiện chưa được đầu tư.

- Định hướng đến 2030: Đầu tư xây dựng mới trường mầm non Bình Mỹ vị trí tại ấp Đồng Sầm, trên đường ĐT 744 quy mô 1,07 ha.

Nhà trẻ nông trường tại ấp Đồng Sầm

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp Đồng Sầm (kế bên nhà văn hoá ấp) hiện không sử dụng, quy mô 0,12 ha.

- Định hướng đến 2030: Chuyển đổi thành quỹ đất xây dựng nhà văn hoá ấp Đồng Sầm.

Trường tiểu học Định An

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp An Thọ (trên đường ĐH 715), quy mô 1,7 ha.

- Định hướng đến 2030: Giữ nguyên hiện trạng, trên đường huyện quản lý 3, quy mô 1,62 ha cập nhật theo lộ giới.

Trường tiểu học tại ấp An Lộc

- Hiện trạng: Hiện đã hoán chuyển đất trường tiểu học ấp An Lộc sang đất xây dựng sân TDTT nhà văn hoá ấp An Lộc.

Trường tiểu học tại ấp An Phước

- Hiện trạng: Đã hoán chuyển sang đất xây dựng trung tâm y tế xã.

Trường tiểu học tại ấp Bầu Dầu

- Hiện trạng: Hoán chuyển sang đất xây dựng sân TDTT văn phòng ấp Bầu Dầu.

Trường trung học cơ sở Định An

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp An Phước (trên đường ĐH 704), quy mô 2,42 ha.

- Định hướng đến 2030: Giữ nguyên hiện trạng, trên đường ĐT 744B, quy mô 2,27 ha cập nhật theo lộ giới.

Trạm y tế xã Định An

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp An Phước (trên đường ĐH 704), quy mô 0,44 ha.

- Định hướng đến 2030: Giữ nguyên hiện trạng, trên đường ĐT 744B, quy mô 0,35 ha cập nhật theo lộ giới.

Trạm y tế nông trường Trần Văn Lưu

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp Chiến Thắng (trên đường ĐT 744B) hiện đã ngừng hoạt động, quy mô 0,1 ha.

- Định hướng đến 2030: Giữ nguyên hiện trạng, trên đường ĐT 744B, quy mô 0,07 ha cập nhật theo lộ giới.

Trung tâm văn hoá – thể dục thể thao học tập cộng đồng

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp An Phước, quy mô 3,2 ha. Một số hạng mục chưa đầu tư: công viên, sân thể dục, bu điện văn hoá, khu vui chơi thiếu nhi.

- Định hướng đến 2030: Đầu tư các hạng mục theo định hướng, quy mô 3,2 ha.

Trung tâm văn hoá – thể dục thể thao nông trường cao su Trần Văn Lưu

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp Chiến Thắng (trên đường ĐH 704), quy mô 4,09 ha.

- Định hướng đến 2030: Chuyển sang đất thương mại dịch vụ, trên đường ĐT 744B, quy mô 3,7 ha cập nhật theo lộ giới.

Khu thể dục thể thao tại ấp An Thọ

- Hiện trạng: Chưa đầu tư xây dựng.

- Định hướng đến 2030: Xây dựng khu thể dục thể thao quy mô 2,4 ha tại ấp An Thọ, trên đường Định An 60 (kế bên trạm bơm tăng áp xã Định An).

Chợ Định An

- Hiện trạng: Hiện chưa đầu tư.

- Định hướng đến 2030: Đầu tư xây dựng chợ Định An tại ấp Chiến Thắng, quy mô 3,0 ha, trên đường ĐT 744B.

Trạm viễn thông

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp An Phước (trong UBND xã), quy mô 0,03 ha.

- Định hướng đến 2030: Giữ nguyên hiện trạng, quy mô 0,02 ha cập nhật theo lộ giới.

Khu xử lý nước thải

- Hiện trạng: Chưa đầu tư.

- Định hướng đến 2030: Thực hiện theo quy hoạch, đầu tư xây dựng khu xử lý nước thải tại ấp An Phước, trên đường Định An 17, quy mô 0,45 ha và khu xử lý nước thải tại ấp An Lộc, trên đường Định An 66ND quy mô, 0,22 ha.

Trạm bơm tăng áp

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp An Thọ, quy mô 0,12 ha.

- Định hướng đến 2030: Mở rộng quy mô trạm bơm tăng áp tại vị trí hiện hữu, trên đường Định An 60, quy mô 0,31 ha.

Công viên cây xanh 1

- Hiện trạng: Chưa đầu tư.

- Định hướng đến 2030: Chuyển đổi sang đất thương mại dịch vụ quy mô 0,1 ha tại quỹ đất công trên đường ĐH 704 thuộc ấp An Thọ.

Công viên VH-TDTT Định An 1

- Hiện trạng: chưa đầu tư

- Định hướng đến năm 2030: Đầu tư xây dựng công viên trên đường ĐT 744B thuộc ấp Chiến Thắng, quy mô 39,54 ha.

Bãi rác tập trung

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp Chiến Thắng, quy mô 4,69 ha.

- Định hướng đến 2030: Chuyển diện tích đất bãi rác thành đất dự trữ phát triển công trình công ích. Bố trí 01 trạm trung chuyển chất thải rắn quy mô 500m² phục vụ toàn xã.

Nghĩa trang xã

- Hiện trạng: Hiện hữu có 01 nghĩa trang xã 6,58 ha tại ấp Chiến Thắng và một số điểm chôn cất tại các ấp An Phước, An Lộc, An Thới.

- Định hướng đến 2030: Hoán chuyển toàn bộ chức năng đất nghĩa trang sang đất dự trữ phát triển công trình công ích. Mở rộng quy mô nghĩa trang tại ấp Chiến Thắng thành nghĩa trang ngoài cấp xã.

Trung tâm hành chính kết hợp khu tái định cư

- Hiện trạng: Chưa đầu tư xây dựng.

- Định hướng đến 2030: Bố trí mới khu đất diện tích 10,4 ha (kế bên chợ Định An trên đường DT 744B) dùng để dự trữ xây dựng Trung tâm hành chính kết hợp khu tái định cư, quy mô 10,4 ha.

Công trình ngoài cấp xã:

Chùa Định An

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp Đồng Sến, quy mô 2,39 ha.



- Định hướng đến 2030: Giữ nguyên hiện trạng, trên đường Định An 88 quy mô 2,39 ha.

Sân bay quốc phòng Dầu Tiếng

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp Chiến Thắng, quy mô 50 ha.

- Định hướng đến 2030: Giữ nguyên hiện trạng, quy mô 50 ha.

Vùng đệm dự trữ sân bay

Hiện trạng: Chưa xây dựng

Định hướng đến 2030: Đầu tư xây dựng vùng đệm dự trữ sân bay (phía nam sân bay quốc phòng Dầu Tiếng), quy mô 150 ha.

Nghĩa trang nhân dân

- Hiện trạng: Chưa xây dựng.

- Định hướng đến 2030: Xây dựng nghĩa trang cấp II với quy mô 100 ha tại xã Định An, trên đường ĐH 701, ấp Chiến Thắng.

Căn cứ chiến đấu Dầu Tiếng

- Hiện trạng: Chưa xây dựng.

- Định hướng đến 2030: Xây dựng căn cứ chiến đấu Dầu Tiếng quy mô 152,73 ha.

Căn cứ hậu cần – kỹ thuật Điểm 1

- Hiện trạng: Chưa xây dựng.

- Định hướng đến 2030: Xây dựng căn cứ hậu cần - kỹ thuật Điểm 1 quy mô 11,5 ha.

Căn cứ hậu cần – kỹ thuật Điểm 2

- Hiện trạng: Chưa xây dựng.

- Định hướng đến 2030: Xây dựng căn cứ hậu cần - kỹ thuật Điểm 2 quy mô 11,3 ha..

Căn cứ hậu cần – kỹ thuật Điểm 3

- Hiện trạng: Chưa xây dựng.

- Định hướng đến 2030: Xây dựng căn cứ hậu cần - kỹ thuật Điểm 3 quy mô 11,02 ha.

Bia chiến thắng Chiến đoàn 7, sư đoàn 5 Ngụy

- Hiện trạng: Chưa xây dựng.
- Định hướng đến 2030: Xây dựng bia chiến thắng Chiến đoàn 7, Sư đoàn 5 Nguyễn Huệ quy mô 0,5 ha tại lô 34 NTTVL (bên trong nghĩa trang nhân dân xã Định An).

Hướng dẫn thiết kế trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn

Mật độ xây dựng:

Các khu vực xây dựng các công trình sử dụng hỗn hợp: 30% - 50%

Các khu vực xây dựng nhà ở:

- + Các khu vực xây dựng nhà ở hiện hữu quy hoạch cải tạo chính trang, nhà liên kế: $\leq 70\%$
- + Các khu vực định hướng xây dựng nhà ở thấp tầng (nhà vườn, biệt thự): $\leq 50\%$

Các khu vực xây dựng các công trình công cộng dịch vụ:

- + Các công trình hành chính đô thị, di tích, tôn giáo: $\leq 60\%$
- + Các công trình dịch vụ công cộng các cấp cải tạo: $\leq 70\%$
- + Các công trình dịch vụ công cộng các cấp mới: $\leq 40\%$

Các khu vực xây dựng các khu cây xanh công viên, vườn hoa : $\leq 5\%$

Hệ số sử dụng đất:

Các khu vực xây dựng các công trình sử dụng hỗn hợp: $\leq 2,5$

Các khu vực xây dựng nhà ở:

- + Các khu vực xây dựng nhà ở hiện hữu quy hoạch cải tạo chính trang, nhà liên kế: $\leq 3,5$
- + Các khu vực định hướng xây dựng nhà ở thấp tầng (nhà vườn, biệt thự): $\leq 1,5$

+ Các khu vực xây dựng các công trình công cộng dịch vụ:

- + Các công trình hành chính đô thị, di tích, tôn giáo: ≤ 3
- + Các công trình dịch vụ công cộng các cấp cải tạo: $\leq 3,5$
- + Các công trình dịch vụ công cộng các cấp mới: ≤ 2
- + Các khu vực xây dựng các khu cây xanh công viên, vườn hoa : $\leq 0,05$

Tầng cao công trình:

Các khu vực xây dựng các công trình sử dụng hỗn hợp: ≤ 5

Các khu vực xây dựng nhà ở:

- + Các khu vực xây dựng nhà ở hiện hữu quy hoạch cải tạo chính trang, nhà liên kế: ≤ 5
- + Các khu vực định hướng xây dựng nhà ở thấp tầng (nhà vườn, biệt thự): ≤ 3

Các khu vực xây dựng các công trình công cộng dịch vụ:



- + Các công trình hành chính đô thị, di tích, tôn giáo: ≤ 5
 - + Các công trình dịch vụ công cộng các cấp cải tạo: ≤ 5
 - + Các công trình dịch vụ công cộng các cấp mới: ≤ 2
- Các khu vực xây dựng các khu cây xanh công viên, vườn hoa : ≤ 1

5. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật

5.1. Định hướng quy hoạch hệ thống giao thông

Các tuyến đường trục xã với bề rộng mặt đường hiện hữu từ 2,5 – 10m, lộ giới quy hoạch 12,5 – 20m.

Giai đoạn đến năm 2025: đầu tư nâng cấp, nối dài hướng tuyến các tuyến đường hiện hữu.

Giai đoạn năm 2025 - 2030: đầu tư mở mới 19 tuyến đường, kết cấu mặt đường là đường bê tông xi măng.

Mạng lưới giao thông được tổ chức như sau:

- + Giao thông đối ngoại: các tuyến đường tỉnh, đường huyện
- + Giao thông đối nội: bao gồm các tuyến đường trục chính xã.

5.2. Định hướng quy hoạch hệ thống thoát nước mưa

Nước mưa của xã Định An sau khi thu gom thoát ra hồ Dầu Tiếng và các suối chảy qua địa bàn xã như suối Cát, suối Tám Ván.

Thiết kế hệ thống thoát nước mưa riêng với hệ thống thoát nước thải. Chia xã ra thành nhiều khu vực thoát nước mưa để giảm thiểu đường kính cống và độ sâu chôn cống.

Tuyến cống thoát nước mưa chính của xã Định An nằm trên đường ĐT và ĐH. Tuyến cống thoát nước mưa sử dụng cống bê tông cốt thép có đường kính từ D600 đến D1500.

Các tuyến thoát nước mưa nhánh trên các tuyến đường ngõ hẻm sử dụng mương hở có bề rộng B600 - B800. Các tuyến đường trong lô cao su bố trí mương hở (mương đào, không có nắp đan).

5.3. Định hướng quy hoạch hệ thống cấp nước

Tổng lưu lượng nước cấp của xã Định An đến năm 2030 là 3200,03 m³/ngày đêm.

Nguồn cấp nước của xã Định An được lấy từ trạm cấp nước xã Minh Tân thông qua trạm bơm tăng áp đặt ở ấp An Thọ xã Định An diện tích khoảng 0,12 ha. Cấp nước cho dân số bao gồm 5 ấp: An Phước, An Thọ, An Thới, Định Thới và Chiến Thắng, còn dân số ở 4 ấp còn lại: Bàu Dầu, Đồng Sầm, Đồng Sến, An Lộc sử dụng nước giếng do dân tự khoan để sử dụng nước hợp vệ sinh. Đến năm 2030 trạm bơm tăng áp mở rộng thành 0,31 ha.

Dẫn đường ống cấp nước HDPE D150 từ xã Minh Tân về trạm bơm tăng áp đặt tại ấp An Thọ, từ trạm bơm tăng áp bơm nước vào hệ thống đường ống cấp nước cho người dân và các công trình trong địa bàn xã.

Giữ lại các tuyến ống cấp nước hiện hữu. Xây mới tuyến ống chính cấp nước trên đường ĐT 744B, ĐH 704, ĐT 744 và đường huyện quản lý 2. Ống cấp nước chính dùng ống HDPE D100 và D150.

Nâng cấp và xây mới các tuyến ống nhánh cấp nước để đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của người dân. Ống nhánh sử dụng ống uPVC D100 và D60.

Mạng lưới cấp nước của xã Định An được thiết kế dạng mạng hỗn hợp, kết hợp giữa mạng vòng và mạng cụt, mạng vòng giúp đảm bảo áp lực cấp nước cũng như đảm bảo áp lực cho các trụ chữa cháy, mạng cụt cung cấp nước đến các công trình, các hộ dùng nước.

5.4. Định hướng quy hoạch hệ thống thoát nước thải, thu gom chất thải rắn sinh hoạt

Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt:

Tổng lưu lượng thoát nước của xã Định An đến năm 2030 là 2022 m³/ngày đêm.

Hệ thống thoát nước thải của xã Định An được thiết kế tách riêng với hệ thống thoát nước mưa.

Do các điểm dân cư của xã Định An tập trung chủ yếu trên đường ĐT 744B, 704, ĐH 701 đoạn trung tâm xã và dọc đường ĐH 704, ĐH 715 ở ấp An Thới, Định Thới, An Lộc, An Thọ nên bố trí 2 trạm xử lý nước thải cho 2 lưu vực.

Lưu vực khu dân cư ở trung tâm xã bố trí 1 trạm xử lý nước thải 0,5 ha ở ấp An Phước. Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép được thoát ra suối gần đó.

Lưu vực khu dân cư ở ấp An Thới, Định Thới, An Lộc, An Thọ bố trí 1 trạm xử lý nước thải 0,22 ha đặt ở ấp An Lộc. Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép được thoát ra suối gần đó.

Đầu tư hoàn chỉnh tuyến công chính thoát nước thải trên đường ĐT 744B, ĐH 704, đường ĐH 701, ĐH 715. Công chính sử dụng ống HDPE D300, D400.

Đầu tư các tuyến công thoát nước thải nhỏ hẻm đầu nối vào tuyến ống thoát nước thải chính, các tuyến nhánh sử dụng ống HDPE D200

Chất thải rắn:

Khối lượng chất thải rắn cần thu gom của xã Định An đến 2030 là: **17,6 tấn/ngàyđêm.**

Lưu ý: chất thải từ trạm y tế xã Định An được phân loại như sau: 50% chất thải cần phải thiêu đốt, 50% còn lại được mang đi đổ chung theo rác sinh hoạt.

Rác thải của khu vực quy hoạch được thu gom hàng ngày và chuyên về khu xử lý chất thải rắn.

Việc thu gom rác được thực hiện từ những nơi trực tiếp thải rác ra như: nhà ở, các công trình công cộng, trên đường, các khu công nghiệp, đến những điểm thu gom rác lớn như từng xóm, đường hẻm, từng khu nhà, từng khu phố, đến các bãi tập trung rác của từng khu vực lớn trước khi đưa đến bãi rác tập trung của tỉnh.



5.5. Định hướng quy hoạch hệ thống cấp điện, chiếu sáng

Hệ thống cấp điện:

Tổng nhu cầu cấp điện của xã Định An đến 2030 là 20.328.000 kWh/năm.

Tuyến cáp chính của xã Định An nằm trên đường ĐT 744, ĐH 701, ĐT 744B ĐH 704, ĐH 715.

Đường dây trung thế 22KV xây mới chọn giải pháp đi nổi trên trụ bê tông ly tâm cao 14m, dùng cáp ACX.

Hệ thống chiếu sáng

Hệ thống chiếu sáng trên tuyến đường ĐT 744, ĐH 701, ĐH 704, ĐH 715 phải được đầu tư mới theo quy mô mặt cắt ngang mới. Với quy mô rộng 32m đèn chiếu sáng phải được bố trí 2 bên đường hoặc ở giữa đường. Đối với các tuyến đường xã bố trí chiếu sáng 1 bên đường.

Đèn chiếu sáng của khu vực được thiết kế đi nổi. Bố trí đèn chiếu sáng đi chung với trụ trung thế và hạ thế. Sử dụng đèn LED công suất 100W.

Cần bố trí thêm hệ thống chiếu sáng khu vực dân cư trung tâm xã.

Chú trọng sử dụng các bộ đèn tiết kiệm năng lượng, sử dụng các hệ thống điều khiển chiếu sáng công cộng theo công nghệ hiện đại nhằm nâng cao hiệu suất chiếu sáng.

5.6. Định hướng quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc

Toàn bộ hệ thống thông tin liên lạc của xã Định An được thiết kế đi nổi. Đường dây thông tin được bố trí chung với trụ trung thế và hạ thế.

Tổng nhu cầu thông tin liên lạc của xã Định An là 6.072 thuê bao.

Sử dụng cáp thông tin có tiết diện 0,5mm² cho cả cáp phối và cáp chính.

Mạng lưới thông tin liên lạc được thiết kế hình tia, lắp các hộp cáp tại các vị trí rẽ nhánh.

Các tuyến cáp chính hiện hữu được giữ lại theo hiện trạng. Mạng lưới thông tin hiện hữu phải được di dời theo quy mô mặt cắt mới của các đường.

Thêm mới các tuyến dây cáp để mở rộng phạm vi sử dụng theo quy hoạch sử dụng đất.

Tuyến cáp chính của xã Định An nằm trên đường ĐT744, ĐH701, ĐT 744B, ĐH704, ĐH715 làm cơ sở đầu nối các tuyến dây nhánh dẫn vào các khu dân cư và khu vực sản xuất.

1. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch

Toàn bộ diện tích xã Định An. Tổng diện tích xã Định An là 7.006,66 ha; với tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp: xã Minh Tân;
- Phía Tây giáp: xã Định Thành;
- Phía Nam giáp: xã Định Hiệp;
- Phía Bắc giáp: xã Minh Hoà.

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã

Là xã nông thôn, kinh tế phát triển theo hướng nông nghiệp công nghệ cao kết hợp phát triển du lịch và công nghiệp. Cơ cấu kinh tế đến năm 2030: Nông nghiệp – Công nghiệp – Dịch vụ, du lịch.

3. Quy mô dân số, lao động; các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

Dự báo quy mô dân số xã Định An điều chỉnh đến năm 2030 khoảng 16.000 người.

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật: (phụ lục đính kèm)

4. Phân khu chức năng

4.1. Hệ thống các điểm dân cư trên địa bàn xã Định An bao gồm:

- Khu dân cư trung tâm xã: Vị trí tại ngã giao đường ĐT 744B và ĐH 701 (thuộc các ấp Chiến Thắng, An Phước), quy mô khoảng 170 ha. Trong đó khu dân cư kiểu mẫu quy mô khoảng 34,9 ha.
- Điểm dân cư số 2 - ấp Định Thới, An Thới, An Thọ: Vị trí tại ngã giao đường ĐT 744B và đường ĐH 715, quy mô khoảng 280 ha.
- Điểm dân cư số 3 - ấp An Lộc: vị trí dọc theo trục đường ĐH 715, quy mô khoảng 27 ha.
- Điểm dân cư số 4 - ấp Bầu Dầu: Vị trí tại ngã giao đường ĐT 744 và đường huyện quản lý 1, quy mô khoảng 73 ha (thuộc dự án Khu nhà ở Định An – Dầu Tiếng).
- Điểm dân cư số 5 - ấp Đồng Sên: Vị trí tại ngã giao đường ĐT 744 và ĐH 715ND, quy mô khoảng 97 ha.
- Điểm dân cư số 6 – ấp Đồng Sâm: Vị trí tại ngã giao đường ĐT 744 và Định An 75, quy mô khoảng 12 ha.

Ngoài ra, có các tuyến dân cư mật độ thấp dọc theo các trục đường chính của xã: Đường ĐT 744, đường huyện quản lý 1, đường huyện quản lý 2, đường Định An 75, đường Định An 88, đường ĐH 715ND,....

4.2. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất:

a. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất nông nghiệp:

Vùng trồng cây ăn trái 1:

+ Vị trí: Phía Bắc xã tại ấp Đồng Sến.

+ Quy mô: Khoảng 279 ha, toàn bộ diện tích thuộc nông nghiệp tiểu điền.

Vùng trồng cây ăn trái 2:

+ Vị trí: Phía bắc xã tại ấp Bầu Dầu.

+ Quy mô: Khoảng 557 ha, toàn bộ diện tích thuộc nông nghiệp tiểu điền.

Vùng trồng cây cao su:

+ Vị trí: Phía nam xã tại các ấp Định Thới, Đồng Sầm, An Thới, An Thọ, An Lộc, An Phước, Chiến Thắng.

+ Quy mô: Khoảng 1.972 ha, trong đó diện tích vùng trồng cây cao su do nông trường Trần Văn Lưu quản lý chiếm phần lớn.

b. Định hướng tổ chức công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:

Khu vực phát triển công nghiệp chế biến nông sản:

+ Vị trí: Nằm trong các vùng phát triển nông nghiệp (vùng trồng cây ăn trái 1,2 và vùng trồng cây lâu năm).

Khu phức hợp điện năng lượng mặt trời và năng lượng tái tạo:

+ Vị trí: Phía nam xã tại ấp Đồng Sầm và ấp Chiến Thắng.

+ Quy mô: khoảng 485,7 ha.

Cụm công nghiệp Định Hiệp:

+ Vị trí: Phía nam xã tại ấp Chiến Thắng.

+ Quy mô: Khoảng 22,3 ha (thuộc dự án Cụm công nghiệp Định Hiệp 1, quy mô 75 ha).

Khu vực sản xuất VLXD, gốm sứ:

+ Vị trí: Hiện hữu ở phía nam xã tại ấp An Lộc.

+ Quy mô: Khoảng 10,4 ha.

Khu sản xuất tập trung 1:

+ Vị trí: ấp An Lộc tại vị trí giao của đường ĐH715 và ĐH701 nối dài

+ Quy mô: Khoảng 24,67 ha.

Khu sản xuất tập trung 2:

+ Vị trí: ấp Đồng Sầm gần vị trí giao của đường DDT744 và đường Định An

75.

+ Quy mô: Khoảng 23,23 ha.

4.3. Định hướng tổ chức du lịch

Vùng phát triển du lịch ven hồ Dầu Tiếng:

+ Vị trí: Phía Bắc xã tại ấp Đồng Sên, ven bờ hồ Dầu Tiếng.

+ Quy mô: khoảng 201,3 ha.

Vùng du lịch kết hợp sản xuất nông nghiệp 1:

+ Vị trí: Phía bắc xã tại ấp Đồng Sên (thuộc vùng trồng cây ăn trái 1).

+ Quy mô: khoảng 281,4 ha.

Vùng du lịch kết hợp sản xuất nông nghiệp 2:

+ Vị trí: Phía bắc xã tại ấp Bầu Dầu (thuộc vùng trồng cây ăn trái 2).

+ Quy mô: khoảng 623,4 ha.

4.4. Định hướng tổ chức các khu chức năng

Sân bay quốc phòng Dầu Tiếng:

+ Vị trí: ấp Đồng Sầm và ấp Chiến Thắng

+ Quy mô: 50 ha

Nghĩa trang nhân dân:

+ Vị trí: ấp Chiến Thắng (trên đường ĐH 701)

+ Quy mô: 50 ha

Chùa Định An

+ Vị trí: ấp Đồng Sên

+ Quy mô: 2,39 ha

4.5. Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng

Công trình cấp xã:

Trụ sở Ủy ban nhân dân xã

- Hiện trạng: Hiện trạng: Vị trí tại ấp An Phước (trên đường ĐH 704), quy mô 0,6 ha.

- Định hướng đến 2030:

+ Mở rộng quy mô tại vị trí Ban chỉ huy quân sự xã hiện hữu.

+ Bố trí mới khu đất diện tích 2,0 ha (kế bên chợ Định An) trên đường ĐT 744B dùng để dự trữ xây dựng UBND.

Ban chỉ huy quân sự

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp An Phước (trên đường ĐH 704), quy mô 0,08 ha.

- Định hướng đến 2030: Theo định hướng quy hoạch sử dụng đất huyện Dầu Tiếng, xây dựng mới xã đội Định An quy mô 3 ha tại ấp Chiến Thắng, trên đường ĐT 744B.

Công an xã Định An

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp An Phước (trên đường ĐH 704), quy mô 0,3 ha.
- Định hướng đến 2030: Giữ nguyên hiện trạng, quy mô 0,33 ha, trên đường ĐT 744B.

Nhà văn hoá ấp An Phước

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp An Phước, quy mô 0,03 ha, trên đường ĐH 704.
- Định hướng đến 2030: Bố trí quỹ đất xây dựng mới nhà văn hoá và sân sinh hoạt VH - TDTT ấp An Phước với quy mô 0,5 ha tại lô 51D, ấp An Phước. Trên đường Định An 14. Quy mô 0,3 ha.

Nhà văn hoá ấp Chiến Thắng

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp Chiến Thắng (trên đường ĐH 704), quy mô 0,1 ha.
- Định hướng đến 2030: Giữ nguyên hiện trạng, sử dụng chung sân sinh hoạt VH - TDTT tại ấp An Phước, trên đường ĐT 744B. Quy mô 0,07 ha cập nhật theo lộ giới.

Nhà văn hoá ấp An Lộc

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp An Lộc (trên đường ĐH 715), quy mô 0,7ha.
- Định hướng đến 2030: Giữ vị trí hiện hữu nhà văn hoá ấp An Lộc và đầu tư xây dựng sân sinh hoạt VH - TDTT ấp An Lộc, trên đường ĐH 715. Quy mô 0,49 ha cập nhật theo lộ giới.

Nhà văn hoá ấp An Thọ

- Hiện trạng: vị trí tại ấp An Thọ, quy mô 0,03 ha.
- Định hướng đến 2030: Mở rộng quy mô nhà văn hoá ấp An Thọ tại vị trí cũ, trên đường ĐT 748ND. Đầu tư xây dựng sân sinh hoạt VH - TDTT. Quy mô 0,5 ha.

Nhà văn hoá ấp Đình Thới

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp Đình Thới (trên đường ĐH 704), quy mô 0,07 ha.
- Định hướng đến 2030:
 - + Giữ nhà văn hóa ấp theo hiện trạng, trên đường ĐH 704. Quy mô 0,05 ha cập nhật theo lộ giới.
 - + Sử dụng chung sân sinh hoạt VH - TDTT với các ấp An Thới, An Thọ.

Nhà văn hoá ấp An Thới

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp An Thới (trên đường ĐH 704), quy mô 0,06 ha.
- Định hướng đến 2030: Mở rộng quy mô nhà văn hoá ấp An Thới tại vị trí cũ, trên đường ĐH 715ND. Đầu tư xây dựng sân sinh hoạt VH - TDTT, quy mô 0,5 ha.

Nhà văn hoá ấp Bàu Dầu

- Hiện trạng: Đã đầu tư xây dựng nhà văn hoá và sân sinh hoạt VH - TDTT ấp Bàu Dầu theo quy hoạch được duyệt, quy mô 0,25 ha. Vị trí nhà văn hoá ấp Bàu Dầu hiện không sử dụng chuyển thành đất dự trữ phát triển công trình công ích.

- Định hướng đến 2030: Giữ nguyên hiện trạng, trên đường ĐT 744, quy mô 0,07ha cập nhật theo lộ giới.

Nhà văn hoá ấp Đồng Sến

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp Đồng Sến, quy mô 0,03 ha.

- Định hướng đến 2030:

+ Mở rộng quy mô nhà văn hóa ấp Đồng Sến, trên đường N3-ĐA88. Quy mô 0,08 ha.

+ Sử dụng chung sân sinh hoạt VH - TDTT với ấp Đồng Sầm.

Nhà văn hoá ấp Đồng Sầm

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp Đồng Sầm trên đường ĐT 744, quy mô 0,08 ha.

- Định hướng đến 2030: Mở rộng quy mô nhà văn hoá ấp Đồng Sầm (tại vị trí nhà trẻ nông trường ấp Đồng Sầm không sử dụng), trên đường ĐT 744 và bố trí mới quỹ đất 0,11 ha đầu tư xây dựng sân sinh hoạt VH - TDTT ấp Đồng Sầm. Quy mô 0,22 ha.

Trường mầm non Định An

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp An Phước (kế bên UBND xã), quy mô 0,38 ha.

- Định hướng đến 2030: Mở rộng quy mô trường mầm non Định An tại vị trí trạm y tế xã Định An không sử dụng, trên đường ĐH 701ND, quy mô 0,53 ha.

Trường mầm non Định An cơ sở 2

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp An Phước, quy mô 0,28ha.

- Định hướng đến 2030: Giữ nguyên hiện trạng, trên đường Định An 14 quy mô 0,21 ha cập nhật theo lộ giới.

Trường mầm non Bình Mỹ

- Hiện trạng: Hiện chưa được đầu tư.

- Định hướng đến 2030: Đầu tư xây dựng mới trường mầm non Bình Mỹ vị trí tại ấp Đồng Sầm, trên đường ĐT 744 quy mô 1,07 ha.

Nhà trẻ nông trường tại ấp Đồng Sầm

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp Đồng Sầm (kế bên nhà văn hoá ấp) hiện không sử dụng, quy mô 0,12 ha.

- Định hướng đến 2030: Chuyển đổi thành quỹ đất xây dựng nhà văn hoá ấp Đồng Sầm.

Trường tiểu học Định An

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp An Thọ (trên đường ĐH 715), quy mô 1,7 ha.

- Định hướng đến 2030: Giữ nguyên hiện trạng, trên đường huyện quản lý 3, quy mô 1,62 ha cập nhật theo lộ giới.

Trường tiểu học tại ấp An Lộc

- Hiện trạng: Hiện đã hoán chuyển đất trường tiểu học ấp An Lộc sang đất xây dựng sân TDTT nhà văn hoá ấp An Lộc.

Trường tiểu học tại ấp An Phước

- Hiện trạng: Đã hoán chuyển sang đất xây dựng trung tâm y tế xã.

Trường tiểu học tại ấp Bầu Dầu

- Hiện trạng: Hoán chuyển sang đất xây dựng sân TDTT văn phòng ấp Bầu Dầu.

Trường trung học cơ sở Định An

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp An Phước (trên đường ĐH 704), quy mô 2,42 ha.

- Định hướng đến 2030: Giữ nguyên hiện trạng, trên đường ĐT 744B, quy mô 2,27 ha cập nhật theo lộ giới.

Trạm y tế xã Định An

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp An Phước (trên đường ĐH 704), quy mô 0,44 ha.

- Định hướng đến 2030: Giữ nguyên hiện trạng, trên đường ĐT 744B, quy mô 0,35 ha cập nhật theo lộ giới.

Trạm y tế nông trường Trần Văn Lưu

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp Chiến Thắng (trên đường ĐT 744B) hiện đã ngừng hoạt động, quy mô 0,1 ha.

- Định hướng đến 2030: Giữ nguyên hiện trạng, trên đường ĐT 744B, quy mô 0,07 ha cập nhật theo lộ giới.

Trung tâm văn hoá – thể dục thể thao học tập cộng đồng

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp An Phước, quy mô 3,2 ha. Một số hạng mục chưa đầu tư: công viên, sân thể dục, buro điện văn hoá, khu vui chơi thiếu nhi.

- Định hướng đến 2030: Đầu tư các hạng mục theo định hướng, quy mô 3,2 ha.

Trung tâm văn hoá – thể dục thể thao nông trường cao su Trần Văn Lưu

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp Chiến Thắng (trên đường ĐH 704), quy mô 4,09 ha.

- Định hướng đến 2030: Chuyển sang đất thương mại dịch vụ, trên đường ĐT 744B, quy mô 3,7 ha cập nhật theo lộ giới.

Khu thể dục thể thao tại ấp An Thọ

- Hiện trạng: Chưa đầu tư xây dựng.

- Định hướng đến 2030: Xây dựng khu thể dục thể thao quy mô 2,4 ha tại ấp An Thọ, trên đường Định An 60 (kế bên trạm bơm tăng áp xã Định An).

Chợ Định An

- Hiện trạng: Hiện chưa đầu tư.

- Định hướng đến 2030: Đầu tư xây dựng chợ Định An tại ấp Chiến Thắng, quy mô 3,0 ha, trên đường ĐT 744B.

Trạm viễn thông

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp An Phước (trong UBND xã), quy mô 0,03 ha.

- Định hướng đến 2030: Giữ nguyên hiện trạng, quy mô 0,02 ha cập nhật theo lộ giới.

Khu xử lý nước thải

- Hiện trạng: Chưa đầu tư.

- Định hướng đến 2030: Thực hiện theo quy hoạch, đầu tư xây dựng khu xử lý nước thải tại ấp An Phước, trên đường Định An 17, quy mô 0,45 ha và khu xử lý nước thải tại ấp An Lộc, trên đường Định An 66ND quy mô, 0,22 ha.

Trạm bơm tăng áp

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp An Thọ, quy mô 0,12 ha.

- Định hướng đến 2030: Mở rộng quy mô trạm bơm tăng áp tại vị trí hiện hữu, trên đường Định An 60, quy mô 0,31 ha.

Công viên cây xanh 1

- Hiện trạng: Chưa đầu tư.

- Định hướng đến 2030: Chuyển đổi sang đất thương mại dịch vụ quy mô 0,1 ha tại quỹ đất công trên đường ĐH 704 thuộc ấp An Thọ.

Công viên VH-TDTT Định An 1

- Hiện trạng: chưa đầu tư

- Định hướng đến năm 2030: Đầu tư xây dựng công viên trên đường ĐT 744B thuộc ấp Chiến Thắng, quy mô 39,54 ha.

Bãi rác tập trung

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp Chiến Thắng, quy mô 4,69 ha.

- Định hướng đến 2030: Chuyển diện tích đất bãi rác thành đất dự trữ phát triển công trình công ích. Bố trí 01 trạm trung chuyển chất thải rắn quy mô 500m² phục vụ toàn xã.

Nghĩa trang xã

- Hiện trạng: Hiện hữu có 01 nghĩa trang xã 6,58 ha tại ấp Chiến Thắng và một số điểm chôn cất tại các ấp An Phước, An Lộc, An Thới.

- Định hướng đến 2030: Hoán chuyển toàn bộ chức năng đất nghĩa trang sang đất dự trữ phát triển công trình công ích. Mở rộng quy mô nghĩa trang tại ấp Chiến Thắng thành nghĩa trang ngoài cấp xã.

Trung tâm hành chính kết hợp khu tái định cư

- Hiện trạng: Chưa đầu tư xây dựng.

- Định hướng đến 2030: Bố trí mới khu đất diện tích 10,4 ha (kế bên chợ Định An trên đường DT 744B) dùng để dự trữ xây dựng Trung tâm hành chính kết hợp khu tái định cư, quy mô 10,4 ha.

Công trình ngoài cấp xã:

Chùa Định An

- Hiện trạng: Vị trí tại ấp Đồng Sến, quy mô 2,39 ha.

- Định hướng đến 2030: Giữ nguyên hiện trạng, trên đường Định An 88 quy mô 2,39 ha.

Sân bay quốc phòng Dầu Tiếng



- Hiện trạng: Vị trí tại ấp Chiến Thắng, quy mô 50 ha.
- Định hướng đến 2030: Giữ nguyên hiện trạng, quy mô 50 ha.

Vùng đệm dự trữ sân bay

Hiện trạng: Chưa xây dựng

Định hướng đến 2030: Đầu tư xây dựng vùng đệm dự trữ sân bay (phía nam sân bay quốc phòng Dầu Tiếng), quy mô 150 ha.

Nghĩa trang nhân dân

- Hiện trạng: Chưa xây dựng.
- Định hướng đến 2030: Xây dựng nghĩa trang cấp II với quy mô 100 ha tại xã Định An, trên đường ĐH 701, ấp Chiến Thắng.

Căn cứ chiến đấu Dầu Tiếng

- Hiện trạng: Chưa xây dựng.
- Định hướng đến 2030: Xây dựng căn cứ chiến đấu Dầu Tiếng quy mô 152,73 ha.

Căn cứ hậu cần – kỹ thuật Điểm 1

- Hiện trạng: Chưa xây dựng.
- Định hướng đến 2030: Xây dựng căn cứ hậu cần - kỹ thuật Điểm 1 quy mô 11,5 ha.

Căn cứ hậu cần – kỹ thuật Điểm 2

- Hiện trạng: Chưa xây dựng.
- Định hướng đến 2030: Xây dựng căn cứ hậu cần - kỹ thuật Điểm 2 quy mô 11,3 ha..

Căn cứ hậu cần – kỹ thuật Điểm 3

- Hiện trạng: Chưa xây dựng.
- Định hướng đến 2030: Xây dựng căn cứ hậu cần - kỹ thuật Điểm 3 quy mô 11,02 ha.

Bia chiến thắng Chiến đoàn 7, sư đoàn 5 Ngụy

- + Các công trình hành chính đô thị, di tích, tôn giáo: ≤ 5
 - + Các công trình dịch vụ công cộng các cấp cải tạo: ≤ 5
 - + Các công trình dịch vụ công cộng các cấp mới: ≤ 2
- Các khu vực xây dựng các khu cây xanh công viên, vườn hoa : ≤ 1

5. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật

5.1. Định hướng quy hoạch hệ thống giao thông

Các tuyến đường trục xã với bề rộng mặt đường hiện hữu từ 2,5 – 10m, lộ giới quy hoạch 12,5 – 20m.

Giai đoạn đến năm 2025: đầu tư nâng cấp, nối dài hướng tuyến các tuyến đường hiện hữu.

Giai đoạn năm 2025 - 2030: đầu tư mở mới 19 tuyến đường, kết cấu mặt đường là đường bê tông xi măng.

Mạng lưới giao thông được tổ chức như sau:

- + Giao thông đối ngoại: các tuyến đường tỉnh, đường huyện
- + Giao thông đối nội: bao gồm các tuyến đường trục chính xã.

5.2. Định hướng quy hoạch hệ thống thoát nước mưa

Nước mưa của xã Định An sau khi thu gom thoát ra hồ Dầu Tiếng và các suối chảy qua địa bàn xã như suối Cát, suối Tám Ván.

Thiết kế hệ thống thoát nước mưa riêng với hệ thống thoát nước thải. Chia xã ra thành nhiều khu vực thoát nước mưa để giảm thiểu đường kính cống và độ sâu chôn cống.

Tuyến cống thoát nước mưa chính của xã Định An nằm trên đường ĐT và ĐH. Tuyến cống thoát nước mưa sử dụng cống bê tông cốt thép có đường kính từ D600 đến D1500.

Các tuyến thoát nước mưa nhánh trên các tuyến đường ngõ hẻm sử dụng mương hở có bề rộng B600 - B800. Các tuyến đường trong lô cao su bố trí mương hở (mương đào, không có nắp đan).

5.3. Định hướng quy hoạch hệ thống cấp nước

Tổng lưu lượng nước cấp của xã Định An đến năm 2030 là 3200,03 m³/ngày đêm.

Nguồn cấp nước của xã Định An được lấy từ trạm cấp nước xã Minh Tân thông qua trạm bơm tăng áp đặt ở ấp An Thọ xã Định An diện tích khoảng 0,12 ha. Cấp nước cho dân số bao gồm 5 ấp: An Phước, An Thọ, An Thới, Định Thới và Chiến Thắng, còn dân số ở 4 ấp còn lại: Bầu Dầu, Đồng Sầm, Đồng Sến, An Lộc sử dụng nước giếng do dân tự khoan để sử dụng nước hợp vệ sinh. Đến năm 2030 trạm bơm tăng áp mở rộng thành 0,31 ha.

Dẫn đường ống cấp nước HDPE D150 từ xã Minh Tân về trạm bơm tăng áp đặt tại ấp An Thọ, từ trạm bơm tăng áp bơm nước vào hệ thống đường ống cấp nước cho người dân và các công trình trong địa bàn xã.

Giữ lại các tuyến ống cấp nước hiện hữu. Xây mới tuyến ống chính cấp nước trên đường ĐT 744B, ĐH 704, ĐT 744 và đường huyện quản lý 2. Ống cấp nước chính dùng ống HDPE D100 và D150.

Nâng cấp và xây mới các tuyến ống nhánh cấp nước để đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của người dân. Ống nhánh sử dụng ống uPVC D100 và D60.

Mạng lưới cấp nước của xã Định An được thiết kế dạng mạng hỗn hợp, kết hợp giữa mạng vòng và mạng cụt, mạng vòng giúp đảm bảo áp lực cấp nước cũng như đảm bảo áp lực cho các trụ chữa cháy, mạng cụt cung cấp nước đến các công trình, các hộ dùng nước.

5.4. Định hướng quy hoạch hệ thống thoát nước thải, thu gom chất thải rắn sinh hoạt

Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt:

Tổng lưu lượng thoát nước của xã Định An đến năm 2030 là 2022 m³/ngày đêm.

Hệ thống thoát nước thải của xã Định An được thiết kế tách riêng với hệ thống thoát nước mưa.

Do các điểm dân cư của xã Định An tập trung chủ yếu trên đường ĐT 744B, 704, ĐH 701 đoạn trung tâm xã và dọc đường ĐH 704, ĐH 715 ở ấp An Thới, Định Thới, An Lộc, An Thọ nên bố trí 2 trạm xử lý nước thải cho 2 lưu vực.

Lưu vực khu dân cư ở trung tâm xã bố trí 1 trạm xử lý nước thải 0,5 ha ở ấp An Phước. Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép được thoát ra suối gần đó.

Lưu vực khu dân cư ở ấp An Thới, Định Thới, An Lộc, An Thọ bố trí 1 trạm xử lý nước thải 0,22 ha đặt ở ấp An Lộc. Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép được thoát ra suối gần đó.

Đầu tư hoàn chỉnh tuyến cống chính thoát nước thải trên đường ĐT 744B, ĐH 704, đường ĐH 701, ĐH 715. Cống chính sử dụng ống HDPE D300, D400.

Đầu tư các tuyến cống thoát nước thải nhỏ hẻm đầu nối vào tuyến ống thoát nước thải chính, các tuyến nhánh sử dụng ống HDPE D200

Chất thải rắn:

Khối lượng chất thải rắn cần thu gom của xã Định An đến 2030 là: **17,6 tấn/ngàyđêm.**

Lưu ý: chất thải từ trạm y tế xã Định An được phân loại như sau: 50% chất thải cần phải thiêu đốt, 50% còn lại được mang đi đổ chung theo rác sinh hoạt.

Rác thải của khu vực quy hoạch được thu gom hàng ngày và chuyển về khu xử lý chất thải rắn.

Việc thu gom rác được thực hiện từ những nơi trực tiếp thải rác ra như: nhà ở, các công trình công cộng, trên đường, các khu công nghiệp, đến những điểm thu gom rác lớn như từng xóm, đường hẻm, từng khu nhà, từng khu phố, đến các bãi tập trung rác của từng khu vực lớn trước khi đưa đến bãi rác tập trung của tỉnh.

5.5. Định hướng quy hoạch hệ thống cấp điện, chiếu sáng

Hệ thống cấp điện:

Tổng nhu cầu cấp điện của xã Định An đến 2030 là 20.328.000 kWh/năm.

Tuyến cáp chính của xã Định An nằm trên đường ĐT 744, ĐH 701, ĐT 744B ĐH 704, ĐH 715.

Đường dây trung thế 22KV xây mới chọn giải pháp đi nổi trên trụ bê tông ly tâm cao 14m, dùng cáp ACX.

Hệ thống chiếu sáng

Hệ thống chiếu sáng trên tuyến đường ĐT 744, ĐH 701, ĐH 704, ĐH 715 phải được đầu tư mới theo quy mô mặt cắt ngang mới. Với quy mô rộng 32m đèn chiếu sáng phải được bố trí 2 bên đường hoặc ở giữa đường. Đối với các tuyến đường xã bố trí chiếu sáng 1 bên đường.

Đèn chiếu sáng của khu vực được thiết kế đi nổi. Bố trí đèn chiếu sáng đi chung với trụ trung thế và hạ thế. Sử dụng đèn LED công suất 100W.

Cần bố trí thêm hệ thống chiếu sáng khu vực dân cư trung tâm xã.

Chú trọng sử dụng các bộ đèn tiết kiệm năng lượng, sử dụng các hệ thống điều khiển chiếu sáng công cộng theo công nghệ hiện đại nhằm nâng cao hiệu suất chiếu sáng.

5.6. Định hướng quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc

Toàn bộ hệ thống thông tin liên lạc của xã Định An được thiết kế đi nổi. Đường dây thông tin được bố trí chung với trụ trung thế và hạ thế.

Tổng nhu cầu thông tin liên lạc của xã Định An là 6.072 thuê bao.

Sử dụng cáp thông tin có tiết diện 0,5mm² cho cả cáp phối và cáp chính.

Mạng lưới thông tin liên lạc được thiết kế hình tia, lắp các hộp cáp tại các vị trí rẽ nhánh.

Các tuyến cáp chính hiện hữu được giữ lại theo hiện trạng. Mạng lưới thông tin hiện hữu phải được di dời theo quy mô mặt cắt mới của các đường.

Thêm mới các tuyến dây cáp để mở rộng phạm vi sử dụng theo quy hoạch sử dụng đất.

Tuyến cáp chính của xã Định An nằm trên đường ĐT744, ĐH701, ĐT 744B, ĐH704, ĐH715 làm cơ sở đầu nối các tuyến dây nhánh dẫn vào các khu dân cư và khu vực sản xuất.

3.1	Trường tiểu học	≥ 65 chỗ/1000 dân, 10m ² /hs, bán kính < 1km.	65-80 chỗ/1000 dân, bán kính < 1km, < 35hs/lớp, 10m ² /hs, tối đa 30 lớp.		65 chỗ/1000 dân, 10m ² /hs	
3.2	Trường trung học cơ sở	≥ 55 chỗ/1000 dân, 10m ² /hs.	55-70 chỗ/1000 dân, < 45hs/lớp, 10m ² /hs, tối đa 45 lớp, 2 buổi/ngày.		55 chỗ/1000 dân, 10m ² /h	
3.3	Trường trung học phổ thông (> 20000 dân)	≥ 40 chỗ/1000 dân, 10m ² /hs.				
4	Trạm y tế (1 trạm/xã)	≥ 500 m ² nếu không có vườn thuốc và 1.000 m ² nếu có vườn thuốc.	≥ 500 m ² nếu không có vườn thuốc và 1.000 m ² nếu có vườn thuốc. bán kính < 3km		≥ 500 m ²	
5	Trung tâm văn hóa - thể thao		2-3m ² /người			
5.1	Khu nhà văn hóa đa năng	≥ 1000 m ² /công trình	1000m ²		≥ 1000 m ² /công trình	
5.2	Phòng truyền thống	≥ 200 m ² /công trình			≥ 200 m ² /công trình	
5.3	Thư viện	≥ 200 m ² /công trình			≥ 200 m ² /công trình	
5.4	Hội trường	≥ 100 chỗ/công trình	0,8 m ² / chỗ ngồi		≥ 100 chỗ/công trình	
5.5	Cụm công trình sân bãi thể thao	≥ 5000 m ² /cụm	4000 m ²		≥ 5000 m ² /cụm	
5.6	Phòng chức năng		5 phòng			
5.7	Phòng tập thể thao đơn giản		30m x 18m			
6	Nhà văn hóa - khu thể thao thôn					
6.1	Nhà văn hóa		500m ²			
6.2	Hội trường		100 chỗ			

VI	Hà tầng kỹ thuật	QCVN 01:2021	TCVN 10380:2014	QB 2459/QĐ-UBND
1	Khoảng cách ATM của khu sản xuất tiêu thụ công nghiệp, cụm công nghiệp	≥ 10 m		
V	Khu sản xuất tiêu thụ công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung	QCVN 01:2021	TCVN 4454:2012	QB 2459/QĐ-UBND
2	Khoảng cách từ các kho phân hoá học đến khu ở	≥ 100 m		
1	Khoảng cách từ nhà ở (chỉ có chức năng ở) tới các khu chăn nuôi, sản xuất tiêu thụ công nghiệp	≥ 200 m		
IV	Công trình sản xuất và phục vụ sản xuất	QCVN 01:2021	TCVN 4454:2012	QB 2459/QĐ-UBND
8	Bưu chính viễn thông	150 m ²		
7.2	Cửa hàng dịch vụ trung tâm	300 m ²		
7.1	Chợ	1500 m ²	2000 - 3000 m ²	2000 m ²
7	Chợ, cửa hàng dịch vụ	tùy theo đặc điểm địa phương có thể bố trí cho xã hoặc liên xã		
6.5	Khu thể thao thôn		2000 m ²	
6.4	Phòng tập thể thao đơn giản		24m x 12m	
6.3	Phòng chức năng		2 phòng	

1	Giao thông					
1.1	Đường từ huyện đến xã, liên xã, Đường từ xã xuống thôn		Mặt đường $\geq 3,5m$, nền đường $\geq 6,5m$		Mặt đường $\geq 3,5m$, nền đường $\geq 6,5m$	
1.2	Chiều rộng tối thiểu 1 làn xe dành cho cơ giới		$\geq 3,5m/\text{làn xe}$		$\geq 3,5m/\text{làn xe}$	
1.3	Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng-xanh-sạch-đẹp và có các hạng mục cần thiết theo quy định. Được cứng hóa và bảo trì hàng năm			$\geq 80\%$ 100%		
1.4	Tỷ lệ đường ấp và đường liên ấp có các hạng mục cần thiết theo quy định và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.			$\geq 50\%$		
1.5	Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp			$\geq 95\%$		
1.6	Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hoá			100%		
2	Cấp nước					
2.1	Cấp nước tối thiểu dùng cho sinh hoạt					
2.1.1	Nhà có thiết bị vệ sinh và đường ống cấp thoát nước					

2.1.2	Nhà chỉ có đường ống dẫn đến và vòi nước gia đình	≥ 60 lít/người/ngày			60 lít/người/ngày	
2.1.3	Lấy nước ở vòi công cộng	≥ 40 lít/người/ngày			40lít/người/ngày	
2.2	Cấp nước tối thiểu cho sản xuất tiểu thủ công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung					
2.2.1	Nước cấp cho sản xuất tiểu thủ công nghiệp	$\geq 8\%$ lượng nước dùng cho sinh hoạt			8% lượng nước dùng cho sinh hoạt	
2.2.2	Nước cấp cho cụm công nghiệp tập trung	$\geq 20m^3/ha/ngày$ đêm cho tối thiểu 60% diện tích			20m ³ /ha/ngày đêm cho 60% diện tích	
2.3	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung			$\geq 65\%$	$\geq 65\%$	
2.4	Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm			≥ 80 lít	≥ 80 lít	
2.5	Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch			100%	100%	
3	Cấp điện					
3.1	Điện phục vụ sinh hoạt điểm dân cư nông thôn	≥ 150 W/người			150 W/người	
3.2	Điện cho công trình công cộng trong các điểm dân cư nông thôn	$\geq 15\%$ nhu cầu điện sinh hoạt			15% nhu cầu điện sinh hoạt	

3.3	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định			100%	100%	
4	Thoát nước thải	Đạt 80% lượng nước cấp để xử lý			80% lượng nước cấp	
5	Bãi rác (chất thải rắn)					
5.1	Khoảng cách an toàn môi trường của điểm tập kết	≥ 20 m.				
5.2	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn			$\geq 50\%$	$\geq 50\%$	
5.3	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định			$\geq 98\%$	$\geq 98\%$	
5.4	Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường			100%	100%	
5.5	Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường			100%	100%	
6	Thông tin liên lạc					
6.1	Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh				$\geq 80\%$	1127/QĐ-BTTTT
6.2	Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)			$\geq 30\%$	$\geq 30\%$	

7	Nghĩa trang					
7.1	Nghĩa trang	$\geq 0,04 \text{ ha}/1.000 \text{ người}$			$\geq 0,04 \text{ ha}/1.000 \text{ người}$	
7.2	Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch			Đạt	Đạt	



PHỤ LỤC 02: BẢNG THỐNG KÊ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG

STT	HẠNG MỤC	ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH ĐẾN 2020 (Theo Quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 48/QĐ-UBND của UBND huyện Dầu Tiếng ngày 04/02/2013)		RÀ SOÁT TIỀN ĐỘ TRIỂN KHAI QUY HOẠCH NĂM 2020		ĐỊNH HƯỚNG ĐIỀU CHỈNH ĐẾN 2030	
		DIỆN TÍCH (ha)	DIỄN GIẢI	DIỆN TÍCH (ha)	DIỄN GIẢI	DIỆN TÍCH (ha)	DIỄN GIẢI
I CÔNG TRÌNH CẤP XÃ							
1	Trụ sở UBND xã	0,73	- Hiện hữu, vị trí tại ấp An Phước; - Giữ nguyên hiện trạng.	0,60	- Giữ nguyên hiện trạng.	0,58	- Mở rộng quy mô tại vị trí Ban chỉ huy quân sự xã hiện hữu.
2	Ban chỉ huy quân sự xã			0,08	- Hiện hữu; Vị trí tại ấp An Phước (kế bên UBND xã).	3,00	- Theo định hướng quy hoạch sử dụng đất huyện Dầu Tiếng, xây dựng mới xã đội Định An quy mô 3 ha tại ấp Chiến Thắng, trên đường ĐT 744B.
3	Công an xã			0,30	- Hiện hữu; Vị trí tại ấp An Phước (trên đường ĐH 704)	0,33	- Giữ nguyên hiện trạng, trên đường ĐT 744B.
4	Nhà văn hoá ấp	2,82		1,35		2,48	

4.1	Áp An Phước	0,25	<p>- Hiện hữu tại ấp An Phước, 0,03 ha; - Mở rộng diện tích xây dựng (phần đất mở rộng thuộc đất cao su nông trường hoặc cao su tiêu điền), xây mới sân sinh hoạt VH-TDĐT.</p>	0,03	<p>- Hiện hữu; Vị trí tại ấp An Phước (trên đường ĐH 704); - Chưa đầu tư xây dựng sân sinh hoạt VH-TDĐT.</p>	0,50	<p>- Bố trí quỹ đất xây dựng mới nhà văn hoá và sân sinh hoạt VH - TDĐT ấp An Phước với quy mô 0,5 ha tại lô 51D, ấp An Phước. Trên đường Định An 14.</p>
4.2	Áp Chiến Thắng	0,30	<p>- Hiện hữu tại ấp Chiến Thắng, 0,01 ha; - Đến năm 2015: Quy hoạch vị trí mới tại ấp Chiến Thắng, xây mới nhà văn hoá ấp và sân sinh hoạt VH-TDĐT.</p>	0,10	<p>- Đã xây mới nhà văn hóa ấp Chiến Thắng tại ấp Chiến Thắng (trên đường ĐH 704), vị trí nhà văn hóa cũ không sử dụng.</p>	0,07	<p>- Giữ nguyên hiện trạng, sử dụng chung sân sinh hoạt VH - TDĐT tại ấp An Phước, trên đường ĐT 744B. Quy mô cập nhật theo lộ giới.</p>
4.3	Áp An Lộc	0,25	<p>- Hiện hữu tại ấp An Lộc, 0,06 ha; - Mở rộng diện tích xây dựng (phần đất mở rộng thuộc đất cao su nông trường hoặc cao su tiêu điền), xây mới sân sinh hoạt VH-TDĐT.</p>	0,70	<p>- Vị trí theo quy hoạch cũ tại ấp An Lộc, đã bố trí quỹ đất mở rộng 0,7 ha kế bên công trình nhà văn hoá ấp.</p>	0,49	<p>- Giữ vị trí hiện hữu nhà văn hoá ấp An Lộc và đầu tư xây dựng sân sinh hoạt VH - TDĐT ấp An Lộc, trên đường ĐH 715. Quy mô cập nhật theo lộ giới.</p>



4.4	Ấp An Thọ	0,25	- Hiện hữu tại ấp An Thọ, 0,03 ha; - Mở rộng diện tích xây dựng (phần đất mở rộng thuộc đất cao su nông trường hoặc cao su tiêu điền), xây mới sân sinh hoạt VH-TDĐT.	0,03	- Hiện hữu; Vị trí tại ấp An Thọ; - Chưa đầu tư xây dựng sân sinh hoạt VH-TDĐT.	0,50	- Mở rộng quy mô nhà văn hoá ấp An Thọ tại vị trí cũ, trên đường ĐT 748ND. Đầu tư xây dựng sân sinh hoạt VH - TDĐT.
4.5	Ấp Định Thới	0,30	- Hiện hữu tại ấp Định Thới, 0,01 ha; - Đến năm 2015: Quy hoạch vị trí mới tại ấp Định Thới, xây mới nhà văn hoá ấp và sân sinh hoạt VH-TDĐT.	0,07	- Đã thực hiện theo quy hoạch; - Vị trí tại ấp Định Thới (trên đường ĐH 704).	0,05	- Giữ nhà văn hóa ấp theo hiện trạng, trên đường ĐH 704. Quy mô cấp nhật theo lộ giới. - Sử dụng chung sân sinh hoạt VH - TDĐT với các ấp An Thới, An Thọ.
4.6	Ấp An Thới	0,25	- Hiện hữu tại ấp An Thới, 0,09 ha; - Mở rộng diện tích xây dựng (phần đất mở rộng thuộc đất cao su nông trường hoặc cao su tiêu điền), xây mới sân sinh hoạt VH-TDĐT.	0,06	- Hiện hữu; Vị trí tại ấp An Thới (trên đường ĐH 704); - Chưa đầu tư xây dựng sân sinh hoạt VH-TDĐT.	0,50	- Mở rộng quy mô nhà văn hoá ấp An Thới tại vị trí cũ, trên đường ĐH 715ND. Đầu tư xây dựng sân sinh hoạt VH - TDĐT.

4.7	Áp Bầu Dầu	0,25	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện hữu tại áp Bầu Dầu, 0,02 ha; - Mở rộng diện tích xây dựng (phần đất mở rộng thuộc đất cao su nông trường hoặc cao su tiêu điền), xây mới sân sinh hoạt VH-TDĐT. 	0,25		<ul style="list-style-type: none"> - Đã đầu tư xây dựng nhà văn hoá và sân sinh hoạt VH - TDĐT áp Bầu Dầu theo quy hoạch. - Vị trí nhà văn hoá áp Bầu Dầu hiện không sử dụng chuyển thành đất dự trữ phát triển công trình công ích. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giữ nguyên hiện trạng, trên đường ĐT 744. Quy mô cập nhật theo lộ giới.
4.8	Áp Đồng Sến	0,72	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện hữu tại áp Đồng Sến, 0,27 ha; - Xây mới sân sinh hoạt VH-TDĐT. 	0,03		<ul style="list-style-type: none"> - Hiện hữu; Vị trí tại áp Đồng Sến; - Chưa đầu tư xây dựng sân sinh hoạt VH-TDĐT. 	<ul style="list-style-type: none"> - Mở rộng quy mô nhà văn hoá áp Đồng Sến, trên đường N3-ĐA88. Quy mô 0,08 ha. - Sử dụng chung sân sinh hoạt VH - TDĐT với áp Đồng Sằm.
4.9	Áp Đồng Sằm	0,25	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện hữu tại áp Bầu Dầu, 0,09 ha; - Mở rộng diện tích xây dựng (phần đất mở rộng thuộc đất cao su nông trường hoặc cao su tiêu điền), xây mới sân sinh hoạt VH-TDĐT. 	0,08		<ul style="list-style-type: none"> - Hiện hữu; Vị trí tại áp Đồng Sằm; - Chưa đầu tư xây dựng 	<ul style="list-style-type: none"> - Mở rộng quy mô nhà văn hoá áp Đồng Sằm (tại vị trí nhà trẻ nông trường áp



					sân sinh hoạt VH-TDĐT.	Đồng Sầm không sử dụng), trên đường ĐT 744 và bố trí mới quỹ đất 0,11 ha đầu tư xây dựng sân sinh hoạt VH - TDĐT ấp Đồng Sầm.	
5	Trường mầm non	1,74	Tổng số 21 lớp học	0,92		1,81	
5.1	Trường mầm non Định An	0,44	- Hiện hữu tại ấp An Phước, 0,44 ha, quy mô 5 phòng học, 119 trẻ; - Đến năm 2015: Đầu tư nâng cấp, duy tu sửa chữa 5 phòng học hiện hữu, xây mới 3 phòng (gồm 1 phòng học và 2 phòng chức năng).	0,38	- Đã thực hiện theo quy hoạch; - Hiện hữu tại ấp An Phước (kế bên UBND xã).	0,53	- Mở rộng quy mô trường mầm non Định An tại vị trí trạm y tế xã Định An không sử dụng, trên đường ĐH 701ND.
5.2	Trường mầm non Định An cơ sở 2	0,28	- Hiện hữu tại ấp An Phước, 0,28ha, quy mô 5 phòng học, 96 trẻ, công trình cấp 4.	0,28	- giữ nguyên hiện trạng	0,21	- Giữ nguyên hiện trạng, trên đường Định An 14. Quy mô cập nhật theo lộ giới.
5.3	Trường mầm non Bình Mỹ	0,70	- Hiện chưa được đầu tư xây dựng; - Đến năm 2015: xây dựng mới tại ấp Định Thới, 0,7ha, quy mô 7 phòng học (trong đó có 04 phòng học và 03 phòng chức năng). Phục vụ cho các ấp Đồng Sầm, Đồng Sến, Bàu Dầu và ấp Yên Ngựa của xã Định Thành.	0,00	- Hiện chưa được đầu tư	1,07	- Giữ lại quy hoạch cũ, trên đường ĐT 744.
5.4	Nhà trẻ nông trường tại ấp Đồng Sầm	0,17	- Hiện hữu tại ấp Đồng Sầm, 1,76ha, quy mô 01 lớp, 24 trẻ.	0,12	- Hiện không sử dụng	0,00	- Chuyển đổi thành quỹ đất xây dựng nhà

							văn hoá ấp Đồng Sầm.
6	Trường tiểu học	1,75		1,70		1,62	- Toàn xã có 1 điểm trường tiểu học
6.1	Trường tiểu học Định An	1,75	- Hiện đã được đầu tư; - Đến năm 2015: đầu tư mới điểm trường tiểu học chính tại ấp An Thọ, 1,75ha, quy mô 34 phòng học (trong đó có 18 phòng học lý thuyết).	1,70	- Đã thực hiện theo quy hoạch; - Hiện hữu tại ấp An Thọ (trên đường ĐH 715).	1,62	- Giữ nguyên hiện trạng, trên đường huyện quản lý 3. Quy mô cập nhật theo lộ giới.
6.2	Trường tiểu học tại ấp An Lộc		- Hiện đã được đầu tư; - Đến năm 2015: Hoán chuyển sang đất xây dựng sân TDTT văn phòng ấp An Lộc.	0,00	- Đã thực hiện theo quy hoạch	0,00	
6.3	Trường tiểu học tại ấp An Phước		- Hiện đã được đầu tư; - Đến năm 2015: Hoán chuyển sang đất xây dựng trung tâm y tế xã.	0,00	- Đã thực hiện theo quy hoạch	0,00	
6.4	Trường tiểu học tại ấp Bầu Dầu		- Hiện đã được đầu tư; - Đến năm 2015: Hoán chuyển sang đất xây dựng sân TDTT văn phòng ấp Bầu Dầu.	0,00	- Đã thực hiện theo quy hoạch	0,00	
7	Trường trung học cơ sở	2,58	- Hiện hữu tại ấp An Phước, 2,53 ha, quy mô 11 lớp học, 310 học sinh, chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất; - Đến năm 2015: mở rộng quy mô 18 lớp.	2,42	- Đã thực hiện theo quy hoạch; - Hiện hữu tại ấp An Phước (trên đường ĐH 704).	2,27	- Giữ nguyên hiện trạng, trên đường ĐT 744B. Quy mô cập nhật theo lộ giới.
8	Trạm y tế	0,44		0,54		0,42	

8.1	Trạm y tế xã Định An	0,44	- Hiện hữu tại ấp An Phước, 0,13 ha; - Đến năm 2015: Đầu tư xây dựng mới trung tâm y tế xã tại phần đất do điểm trường TH ấp An Phước đã giải thể.	0,44	- Hiện đã thực hiện theo quy hoạch; - Hiện hữu tại ấp An Phước (trên đường ĐH 704). - Vị trí trạm y tế xã Định An cũ (kể trường mầm non Định An) hoán chuyển thành đất trường mầm non Định An.	0,35	- Giữ nguyên hiện trạng, trên đường ĐT 744B. Quy mô cập nhật theo lộ giới.
8.2	Trạm y tế nông trường Trần Văn Lưu			0,10	- Hiện hữu, vị trí tại ấp Chiến Thắng (trên đường ĐH 704) hiện đã ngừng hoạt động	0,07	- Chuyển sang đất TMDV, trên đường ĐT 744B. Quy mô cập nhật theo lộ giới.
9	Trung tâm văn hoá - TDTT	6,11		7,29		9,41	
9.1	TTVHTDTT học tập cộng đồng	2,96	- Hiện hữu tại ấp An Phước; - Đến năm 2020: Định hướng bổ sung các công trình công viên, sân thể dục, bưu điện văn hoá; khu vui chơi thiếu nhi.	3,20	- Hiện còn 1 số hạng mục chưa được đầu tư.	3,20	- Đầu tư các hạng mục công trình theo quy hoạch cũ, trên đường ĐH 701ND.

9.2	Trung tâm văn hóa - TDTT nông trường cao su Trần Văn Lưu	3,15	- Hiện nông trường cao su Trần Văn Lưu đã đầu tư khu thể thao tại ấp Chiến Thắng;	4,09	- Giữ nguyên hiện trạng.	3,70	- Chuyển sang TMDV, trên đường ĐT 744B. Quy mô cập nhật theo lộ giới.
9.3	Sân sinh hoạt VH-TDTT			0,00	- Chưa đầu tư xây dựng	0,11	- Bố trí sân sinh hoạt VH – TDTT thuộc ấp An Thọ tại vị trí trường mầm non Tuổi Thơ cũ, trên đường ĐH 715.
9.4	Khu TDTT tại ấp An Thọ	0,00		0,00		2,40	- Xây dựng khu thể dục thể thao quy mô 2,4 ha tại ấp An Thọ, trên đường Định An 60 (kế bên trạm bơm tăng áp xã Định An)
10	Chợ	1,82	- Hiện hữu chưa đầu tư xây dựng; - Đến năm 2015: Sử dụng chợ xã Định Hiệp; - Đến năm 2020: Xây dựng chợ xã Định An tại ấp Chiến Thắng, quy mô 1 ha	0,00	- Chưa đầu tư xây dựng.	3,00	- Thực hiện theo quy hoạch, xây dựng chợ Định An quy mô 3,0 ha tại ấp Chiến Thắng, trên đường ĐT 744B.
11	Trạm viễn thông	0,24	- Hiện hữu tại ấp An Phước; - Đến năm 2015: Hoán chuyển sang đất UBND xã.	0,03	- Giữ nguyên hiện trạng	0,02	- Giữ nguyên hiện trạng (phía nam UBND xã). Quy mô cập nhật theo lộ

						giới.	
12	Khu xử lý nước thải	0,75	- Hiện chưa đầu tư; - Đến năm 2015: Đầu tư theo quy hoạch trung tâm xã, vị trí tại ấp An Phước quy mô 0,5 ha; tại ấp An Thọ quy mô 0,25 ha.		- Hiện chưa đầu tư	0,67	- Thực hiện theo quy hoạch, đầu tư xây dựng khu xử lý nước thải tại ấp An Phước, trên đường Định An 17, quy mô 0,45 ha và khu xử lý nước thải tại ấp An Lộc, trên đường Định An 66ND quy mô, 0,22 ha.
13	Trạm bơm tăng áp	0,15	- Hiện chưa đầu tư; - Đến năm 2015: Nước được lấy từ trạm cấp nước xã Minh Tân. Xây mới trạm bơm tăng áp tại ấp An Thọ, quy mô 0,3 ha, công suất 540 m ³ /ngày đêm; - Đến năm 2020: Tăng công suất đạt nhu cầu sử dụng.	0,12	- Đã đầu tư; - Hiện hữu, vị trí tại ấp An Thọ (gần trường tiểu học).	0,31	- Mở rộng quy mô trạm bơm tăng áp thành 0,31 ha tại vị trí hiện hữu, trên đường Định An 60.
14	Công viên cây xanh	0,00		0,00		39,64	
14.1	Công viên cây xanh 1		- Hiện trạng chưa đầu tư xây dựng;	0,00	- Chưa đầu tư xây dựng	0,10	- Xây dựng công viên cây xanh quy mô 0,1 ha tại quỹ đất công trên đường ĐH 704 thuộc ấp An Thọ.

14.2	Công viên VH-TDĐT Định An 1			0,00	- Chưa đầu tư xây dựng	39,54	- Đầu tư xây dựng công viên trên đường ĐT 744B thuộc ấp Chiến Thắng.
15	Bãi rác tập trung	0,00	- Hiện hữu có 01 bãi rác tập trung tại ấp Chiến Thắng, quy mô 4,6 ha, hình thức thu gom rác tự chôn lấp; - Đến năm 2015: Rác được thu gom và chuyển đến bãi xử lý rác theo quy hoạch bãi xử lý rác của tỉnh.	4,69	- Hiện hữu có 01 bãi rác tập trung tại ấp Chiến Thắng (vị trí khu vực hầm đá phún đã khai thác), hình thức thu gom rác tự chôn lấp.	0,00	- Chuyển diện tích đất bãi rác thành đất dự trữ phát triển công trình công ích.
16	Nghĩa trang xã	0,00	- Hiện hữu có 01 nghĩa trang xã 51.549 m ² , 04 điểm chôn cất các ấp: nghĩa trang lô 92 diện tích 2.516 m ² ; nghĩa địa đồng Bà Xi 2.272 m ² ; nghĩa địa An Phước 697 m ² ; Nghĩa trang An Lộc 8.766 m ² ; - Đến năm 2015: Giữ nguyên hiện trạng; - Đến năm 2020: Toàn bộ chôn cất tại nghĩa trang huyện và nghĩa trang liên xã. Hoán chuyển toàn bộ chức năng đất nghĩa trang sang đất dự trữ phát triển công trình công ích.	6,58	- Chưa thực hiện theo quy hoạch	0,00	- Hoán chuyển toàn bộ chức năng đất nghĩa trang sang đất dự trữ phát triển công trình công ích. Mở rộng quy mô nghĩa trang tại ấp Chiến Thắng thành nghĩa trang ngoài cấp xã.
17	Trung tâm hành chính kết hợp khu tái định cư			0,00	- Chưa đầu tư xây dựng	10,40	- Bố trí mới khu đất diện tích 10,4 ha (kế bên chợ Định An trên đường DT

							744B) dùng để dự trữ xây dựng Trung tâm hành chính kết hợp khu tái định cư
II CÔNG TRÌNH NGOÀI CẤP XÃ, CÔNG TRÌNH TÔN GIÁO, CÔNG TRÌNH QUÂN SỰ							
1	Chùa Định An			2,39	- Hiện hữu, vị trí tại ấp Đồng Sến.	2,39	- Giữ nguyên hiện trạng, trên đường Định An 88
2	Sân bay quốc phòng Dầu Tiếng			50,00	- Hiện hữu, vị trí tại ấp	50,00	- Giữ nguyên hiện trạng.
3	Vùng đệm dự trữ sân bay			0,00	- Chưa xây dựng	150,00	-Đầu tư xây dựng vùng đệm dự trữ sân bay (phía nam sân bay quốc phòng Dầu Tiếng, quy mô 150 ha
4	Nghĩa trang nhân dân			0,00	- Chưa xây dựng	100,00	- Xây dựng nghĩa trang cấp II với quy mô 100 ha tại xã Định An, trên đường ĐH 701, ấp Chiến Thắng.
5	Căn cứ chiến đấu Dầu Tiếng			0,00	- Chưa xây dựng	152,73	- Theo định hướng quy hoạch sử dụng đất huyện Dầu Tiếng, xây dựng căn cứ chiến đấu Dầu Tiếng quy mô 152,73

						ha.	
6	Căn cứ hậu cần - kỹ thuật Điểm 1			0,00	- Chưa xây dựng	11,50	- Theo định hướng quy hoạch sử dụng đất huyện Dầu Tiếng, xây dựng căn cứ hậu cần - kỹ thuật Điểm 1 quy mô 11,5 ha.
7	Căn cứ hậu cần - kỹ thuật Điểm 2			0,00	- Chưa xây dựng	11,30	- Theo định hướng quy hoạch sử dụng đất huyện Dầu Tiếng, xây dựng căn cứ hậu cần - kỹ thuật Điểm 2 quy mô 11,3 ha.
8	Căn cứ hậu cần - kỹ thuật Điểm 3			0,00	- Chưa xây dựng	11,02	- Theo định hướng quy hoạch sử dụng đất huyện Dầu Tiếng, xây dựng căn cứ hậu cần - kỹ thuật Điểm 3 quy mô 11,02 ha.
9	Bia chiến thắng Chiến đoàn 7, sư đoàn 5 Ngụy			0,00	- Chưa xây dựng	0,50	- Theo định hướng quy hoạch sử dụng đất huyện Dầu Tiếng, xây dựng bia chiến thắng Chiến đoàn 7, Sư đoàn 5 Ngụy

PHỤ LỤC 03: BẢNG THÔNG KÊ GIAO THÔNG

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐIỂM ĐẦU	ĐIỂM CUỐI	QUY MÔ BỀ RỘNG MẶT ĐƯỜNG HIỆN TRẠNG	LỘ GIỚI QUY HOẠCH (m)	CẤP KỸ THUẬT	MẶT CÁT ĐƯỜNG	KẾT CẤU MẶT ĐƯỜNG HIỆN HỮU	KẾT CẤU MẶT ĐƯỜNG QUY HOẠCH	CHIỀU DÀI (m)	GIAI ĐOẠN ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
CÁC TUYẾN ĐƯỜNG TỈNH										20.171		
1	ĐT 744B	Ranh Định An - Minh Tân	Ranh Định An - Định Hiệp		42	III	1 - 1		BTN	4.446		Nâng cấp theo hướng tuyến đường ĐH 704 hiện hữu
2	ĐT 748ND	Ranh Định An - Minh Tân	Ranh Định An - Định Hiệp		42	III	1 - 1		BTN	3.384		Mở mới
3	ĐT 744	Ranh xã Định An - Minh Hòa	Ranh xã Định An - Định Hiệp		42	III	1 - 1		BTN	12.341		Nâng cấp mở rộng
CÁC TUYẾN ĐƯỜNG HUYỆN										45.920		
1	ĐH 703ND	Ranh Định An - Định Thành	ĐH 715ND		32	IV	2 - 2		BTN	1.650		Mở mới
2	ĐH 730	Ranh Định An - Định Thành	ĐT.744B		32	IV	2 - 2		BTN	2.066		Mở mới
3	Đường nối ĐH 703ND và ĐH 730	Đường ĐH 703ND	Đường ĐH 730		32	IV	2 - 2		BTN	2.149		Mở mới
4	ĐH 719ND	ĐT 744	Ranh Định An - Định Hiệp		32	IV	2 - 2		BTN	1.611		Mở mới
5	ĐH 710ND	ĐT 744	ĐH 701		32	IV	2 - 2		BTN	1.890		Mở mới

6	ĐH 701ND	ĐT 744B	Ranh Định An - Minh Tân		32	IV	2 - 2		BTN	4.500		Nâng cấp theo hướng tuyến Định An 07 hiện hữu
7	ĐH 701	ĐT 744B	Ranh Định An - Định Hiệp		32	IV	2 - 2		BTN	3.665		Nâng cấp mở rộng
8	ĐH 715ND	ĐT 744B	Ranh xã Định An - Định Hiệp		32	IV	2 - 2		BTN	8.502		Nâng cấp theo hướng tuyến các tuyến Định An 88, Định An 89, ĐH 704 hiện hữu
9	ĐH 715	ĐH 714	Ranh xã Định An - Định Hiệp		32	IV	2 - 2		BTN	4.900		Nâng cấp mở rộng
10	ĐH 704	ĐT 744B	ĐT 744B		32	IV	2 - 2		BTN	5.597		Nâng cấp mở rộng
11	ĐH 724	Đường ĐT 744	Ranh xã Định An - Minh Tân		32	IV	2 - 2		BTN	2.149		Mở mới
13	Đường huyện quản lý 1	Đường ĐT 744 (Đặng Văn Kha)	Ranh xã Định An - Minh Tân		22	Dưới cấp V	3 - 3		BTN	3.318		Nâng cấp
14	Đường huyện quản lý 2	Đường ĐT 744 (Ngô Thị Phao)	ĐH 704 (Lê Công Lý)		22	Dưới cấp V	3 - 3		BTN	2.896		Nâng cấp
15	Đường huyện quản lý 3	ĐH 704 (Nguyễn Thị Hồng Vân)	ĐH 715 (Trường tiểu học Định An)		22	Dưới cấp V	3 - 3		BTN	1.027		Nâng cấp
CÁC TUYẾN ĐƯƠNG XÁ										64.937		
1	Định An 01	Giáp ranh Định Hiệp	Nhà bà Thanh	2,5	12,5	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	32		Nâng cấp
2	Định An 02	Nhà ông Gồng	Nhà bà Thông	4	14	Dưới cấp V	5-5	BTN	BTN	500		Nâng cấp
3	Định An 03	Nhà ông Toán	Nhà bà Tâm	3,5	13,5	Dưới cấp V	5-5	BTXM, SĐ	BTXM	80		Nâng cấp
4	Định An 04	Nhà bà Hiếu	Nhà bà 6 Dây	3,5	13,5	Dưới cấp V	5-5	BTXM	BTXM	80		Nâng cấp

5	Định An 05	Nhà ông Thọ	Nhà ông Thái	3	13	Dưới cấp V	5-5	BTXM	BTXM	120		Nâng cấp
6	Định An 06	ĐH 704	Khu TTVH xã	4	14	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	50		Nâng cấp
7	Định An 07	Nhà bà Thuận	Thửa 115-29	7	17	Dưới cấp V	4-4	Láng nhựa, Đất	Láng nhựa, BTXM	575	2025-2030	Nâng cấp (nâng cấp thành đường liên xã theo đề án giao thông của huyện)
8	Định An 08	Nhà bà Lệ	Nhà ông Hành	3	13	Dưới cấp V	5-5	BTXM	BTXM	150		Nâng cấp
9	Định An 09	Nhà ông Linh	Nhà ông Bộn	4	14	Dưới cấp V	5-5	BTXM	BTXM	130		Nâng cấp
10	Định An 10	ĐH 704	Nhà bà Nghiêm	3	13	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	60		Nâng cấp
11	Định An 11	Nhà ông Cận	Nhà ông Chung	3,5	13,5	Dưới cấp V	5-5	BTXM	BTXM	500		Nâng cấp
12	Định An 12	0	0	0	10	Dưới cấp V	5-5	0	0	0		Nâng cấp
12,1	Tuyển chính	ĐH 704(trạm Y tế NT)	Nhà ông Nhâm	3,5	13,5	Dưới cấp V	5-5	BTXM	BTXM	200		Nâng cấp
12,2	Tuyển nhánh 1	Tuyển chính	Đất ông Hoàn	3	13	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	29		Nâng cấp
12,3	Tuyển nhánh 2	Tuyển chính	Đất ông Lương	3	13	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	32		Nâng cấp
12,3	Tuyển nhánh 3	Tuyển chính	Đất bà Bình	3	13	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	82		Nâng cấp
13	Định An 13	Nhà ông Dách	Nhà ông Thứ	3	13	Dưới cấp V	5-5	BTXM	BTXM	220		Nâng cấp
14	Định An 14	0	0	0	10	Dưới cấp V	5-5	0	0	0		Nâng cấp
14,1	Tuyển Chính	Nhà ông Quân	Cầu (nhà ông Nam)	5	15	Dưới cấp V	5-5	Láng nhựa	Láng nhựa	1.400		Nâng cấp
14,2	Tuyển nhánh	Tuyển Chính	Nhà ông Bảy	4	14	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	50		Nâng cấp
14,3	Tuyển nhánh	Tuyển Chính	Nhà ông Mạo	5	15	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	180		Nâng cấp
15	Định An 15	Nhà ông Linh	Nhà Ông Năm	3,5	13,5	Dưới cấp V	5-5	BTXM	BTXM	240		Nâng cấp
16	Định An 16	ĐH 704	Nhà ông Đề	3	13	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	170		Nâng cấp
17	Định An 17	ĐH 704	Đất ông Hoàng	10	20	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	185		Nâng cấp

18	Định An 18	ĐH 704 (nhà thi đấu NT)	Nhà ông Ngàn	4	14	Dưới cấp V	5-5	BTN	BTN	550		Nâng cấp
19	Định An 19	Nhà ông Duyên	Nhà bà Chư	3	13	Dưới cấp V	5-5	BTXM	BTXM	900		Nâng cấp
20	Định An 20	0	0	0	10	Dưới cấp V	5-5	0	0	0		Nâng cấp
20,1	Tuyển chính (Đoạn 1)	Nhà bà Xuân	Nhà ông Long	4	14	Dưới cấp V	4-4	BTN	BTN	1.000	2025-2030	Nâng cấp (nâng cấp thành đường liên xã theo đề án giao thông của huyện)
20,2	Tuyển chính (Đoạn 2)	Nhà ông Lộc	Nhà ông Kính	3	13	Dưới cấp V	4-4	BTXM	BTXM	300	2025-2030	Nâng cấp (nâng cấp thành đường liên xã theo đề án giao thông của huyện)
20,3	Tuyển nhánh 1	Tuyển chính (Đoạn 2)	Nhà ông Bình	2,5	12,5	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	60		Nâng cấp
20,4	Tuyển nhánh 2	Tuyển chính (Đoạn 2)	Nhà ông Út	3	13	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	60		Nâng cấp
21	Định An 21	Nhà ông Hiếu	Nhà bà Nhỏ	3	13	Dưới cấp V	5-5	BTXM	BTXM	250		Nâng cấp
22	Định An 22	0	0	0	10	Dưới cấp V	5-5	0	0	0		Nâng cấp
22,1	Tuyển chính	Nhà ông Quân (ĐH 701)	Nhà ông Ngàn (ĐA 18)	3	13	Dưới cấp V	5-5	BTN, BTXM, SD	BTN,BTXM	1.100		Nâng cấp
22,2	Tuyển nhánh	Tuyển chính	Nhà ông Hòa	3,8	13,8	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	75		Nâng cấp
23	Định An 23	0	0	0	10	Dưới cấp V	5-5	0	0	0		Nâng cấp
23,1	Tuyển chính	ĐH701	Nhà Ông Dự	3,5	13,5	Dưới cấp V	5-5	BTXM	BTXM	255		Nâng cấp
23,2	Tuyển nhánh 1	Tuyển chính	Nhà Hồ Cư	5	15	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	190		Nâng cấp
23,3	Tuyển nhánh 2	Tuyển chính	Nhà ông Hải	5	15	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	50		Nâng cấp
24	Định An 24	ĐH701	Nhà ông Đen	4	14	Dưới cấp V	5-5	BTN	BTN	200		Nâng cấp
25	Định An 25	ĐH701	Giáp lô 42 D	6	16	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	50		Nâng cấp
26	Định An 26	ĐH 701	Nhà Ông Quốc	4	14	Dưới cấp V	5-5	BTN	BTN	100		Nâng cấp
27	Định An 27	0	0	0	10	Dưới cấp	5-5	0	0	0		Nâng cấp

						V						
27,1	Tuyển chính	ĐH 704 (ông Toàn)	Nhà ông Quang	3,5	13,5	Dưới cấp V	5-5	BTXM	BTXM	250		Nâng cấp
27,2	Tuyển nhánh	Tuyển chính	Thửa 177, tờ 14	2,5	12,5	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	51		Nâng cấp
28	Định An 28	ĐH 704 (bà Liên)	Nhà ông Khang (lô 66)	4	14	Dưới cấp V	5-5	BTN, SĐ	BTN, BTXM	600		Nâng cấp
29	Định An 29	ĐH 704 (bà Liên)	Nhà ông Tiến	4	14	Dưới cấp V	5-5	BTN	BTN	100		Nâng cấp
30	Định An 30	ĐH 704 (ông 8 Lớn)	Nhà ông Ty	2	12	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	80		Nâng cấp
31	Định An 31	ĐH 704	Nhà ông Phần	3	13	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	70		Nâng cấp
32	Định An 32	ĐH 704 (bà Thu)	Nhà ông Hùng	4	14	Dưới cấp V	5-5	BTXM	BTXM	500		Nâng cấp
33	Định An 33	0	0	0	10	Dưới cấp V	5-5	0	0	0		Nâng cấp
33,1	Tuyển chính	ĐH 704	Nhà bà Gái	3	13	Dưới cấp V	5-5	BTXM	BTXM	250		Nâng cấp
33,2	Tuyển nhánh	Tuyển chính	Nhà bà Xuân	3	13	Dưới cấp V	5-5	BTXM	BTXM	90		Nâng cấp
34	Định An 34	0	0	0	10	Dưới cấp V	5-5	0	0	0		Nâng cấp
34,1	Tuyển chính	ĐH 704	Nhà bà Minh (ĐA 33)	4	14	Dưới cấp V	5-5	BTN	BTN	230		Nâng cấp
34,2	Tuyển nhánh 1	Tuyển chính	Nhà bà Hòa	4	14	Dưới cấp V	5-5	BTN	BTN	87		Nâng cấp
34,3	Tuyển nhánh 2	Tuyển chính	ĐA 33 (432-15)	3	13	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	76		Nâng cấp
35	Định An 35	0	0	0	10	Dưới cấp V	5-5	0	0	0		Nâng cấp
35,1	Tuyển chính	ĐH 704	Nhà ông Quốc (Định An 32)	3,5	13,5	Dưới cấp V	5-5	BTXM	BTXM	360		Nâng cấp
35,2	Tuyển nhánh 1	Tuyển chính	Nhà ông Gia	3	13	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	390		Nâng cấp
35,3	Tuyển nhánh 2	Tuyển chính	Nhà ông Thuật	3	13	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	80		Nâng cấp
36	Định An 36	ĐH 704	Nhà ông Tùng	3,5	13,5	Dưới cấp V	5-5	BTXM	BTXM	315		Nâng cấp
37	Định An 37	ĐH 704	Nhà ông Định	3	13	Dưới cấp V	5-5	BTXM	BTXM	140		Nâng cấp

38	Định An 38	ĐH 704	Nhà ông Lạc	2,5	12,5	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	100		Nâng cấp
39	Định An 39	ĐH 704	Nhà bà ngân	1	11	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	30		Nâng cấp
40	Định An 40	0	0	0	10	Dưới cấp V	5-5	0	0	0		Nâng cấp
40,1	Tuyển chính	ĐH 704 (ông 10 Phải)	Nhà ông Ban	4	14	Dưới cấp V	4-4	Láng nhựa	Láng nhựa	363	2025- 2030	Nâng cấp (nâng cấp thành đường liên xã theo đề án giao thông của huyện)
40,2	Tuyển Nhánh	Tuyển chính	Thửa 169-15	0	10	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	70		Nâng cấp
41	Định An 41	ĐH 704	Nhà ông Thành	4	14	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	84		Nâng cấp
42	Định An 42	ĐH 704	Nhà bà Thúy	4	14	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	61		Nâng cấp
43	Định An 43	ĐH 704	Nhà ông Tròn	3,5	13,5	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	30		Nâng cấp
44	Định An 44	0	0	0	10	Dưới cấp V	5-5	0	0	0		Nâng cấp
44,1	Tuyển chính	ĐH 704 (ông Dũng)	Văn Phòng áp (ĐA 45)	3	13	Dưới cấp V	5-5	BTXM	BTXM	385		Nâng cấp
44,2	Tuyển nhánh	Tuyển chính	Hành lang BV suối	4	14	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	114		Nâng cấp
45	Định An 45	ĐH 704 (VP áp)	Nhà ông Hùng	3,5	13,5	Dưới cấp V	5-5	BTN, SD	BTN, BTXM	600		Nâng cấp
46	Định An 46	ĐH 704	Nhà ông Chín Rom	4	14	Dưới cấp V	5-5	BTN	BTN	270		Nâng cấp
47	Định An 47	0	0	0	10	Dưới cấp V	5-5	0	0	0		Nâng cấp
47,1	Tuyển chính	Đh 704(ông Diệu)	Giáp lô 77 E	4	14	Dưới cấp V	5-5	BTN, SD	BTN, BTXM	270		Nâng cấp
47,2	Tuyển nhánh 1	Đất ông Hiền (ĐA 47)	Giáp lô 77 E	2,5	12,5	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	275		Nâng cấp
47,3	Tuyển nhánh 2	Tuyển chính	Nhà ông Tê	3,5	13,5	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	70		Nâng cấp
48	Định An 48	ĐH 704 (Ông Yên)	Nhà ông tư Thiết	3,5	13,5	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	100		Nâng cấp
49	Định An 49	ĐH 704 (ông Cống)	Đất ông Na (thửa 62-39)	4	14	Dưới cấp V	5-5	SD, Đất	BTXM	1.620		Nâng cấp
50	Định An 50	0	0	0	10	Dưới cấp V	5-5	0	0	0		Nâng cấp

50,1	Tuyển chính	ĐH 704 (ông 3 Biểu)	Nhà ông Đàng	4	14	Dưới cấp V	4-4	BTN,SĐ	BTN, BTXM	1.100	2025- 2030	Nâng cấp (nâng cấp thành đường liên xã theo đề án giao thông của huyện)
50,2	Tuyển nhánh 1	Tuyển chính (775)	ĐA 49, hết thửa 70-39	4	14	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	600		Nâng cấp
50,3	Tuyển nhánh 2	Tuyển chính (766- 40)	ĐA 89 (753-40)	0	10	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	250		Nâng cấp
51	Định An 51	ĐH 704	Đất ông Lý	3	13	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	170		Nâng cấp
52	Định An 52	ĐH 704 B	Đất ông Hoài	5	15	Dưới cấp V	5-5	SĐ	BTXM	250		Nâng cấp
53	Định An 53	ĐH 704 B (nhà ông Tự)	Nhà bà Trang	4	14	Dưới cấp V	5-5	SĐ	BTXM	300		Nâng cấp
54	Định An 54	ĐH 704 B	Đất bà Kiều (thửa 841)	3	13	Dưới cấp V	5-5	SĐ	BTXM	500		Nâng cấp
55	Định An 55	0	0	0	10	Dưới cấp V	5-5	0	0	0		Nâng cấp
55,1	Tuyển chính	ĐH 704B	Nhà Ông An	4	14	Dưới cấp V	5-5	SĐ	BTXM	1.300		Nâng cấp
55,22	Tuyển nhánh 1	Tuyển chính	Thửa 36-8	1,5	11,5	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	108		Nâng cấp
55,3	Tuyển nhánh 2	Tuyển chính	Nhà ông Lân	4	14	Dưới cấp V	5-5	SĐ	BTXM	400		Nâng cấp
55,4	Tuyển nhánh 3	Tuyển chính	Thửa 87-8	0	10	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	205		Nâng cấp
56	Định An 56	ĐH 704 B	Đất ông Ký (Thửa 837)	4	14	Dưới cấp V	5-5	SĐ	BTXM	490		Nâng cấp
57	Định An 57	ĐH 704 B	Đất ông Duyên thửa 2392 - 40	3,5	13,5	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	130		Nâng cấp
58	Định An 58	ĐH 715 (bà Lạc)	Nhà ông 2 Huy	3	13	Dưới cấp V	5-5	SĐ	BTXM	160		Nâng cấp
59	Định An 59	ĐH 715	Nhà bà Mạnh	4	14	Dưới cấp V	5-5	SĐ	BTXM	100		Nâng cấp
60	Định An 60	ĐH 715 (nhà ông Thiên)	Giáp lô 86	4	14	Dưới cấp V	5-5	BTN	BTN	200		Nâng cấp
61	Định An 61	Đường HQL3	Nhà bà Tư	3	13	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	50		Nâng cấp
62	Định An 62	0	0	0	10	Dưới cấp V	5-5	0	0	0		Nâng cấp
62,1	Tuyển chính	ĐH 715(bà Tân	Nhà ông Hùng	3	13	Dưới cấp V	5-5	BTXM	BTXM	260		Nâng cấp

62,2	Tuyển nhánh	Tuyển chính	Thửa 34 -16	4	14	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	103		Nâng cấp
63	Định An 63	0	0	0	10	Dưới cấp V	5-5	0	0	0		Nâng cấp
63,1	Tuyển chính	ĐH 715(ông ba Dô)	Nhà cô Hạnh (lô 94)	3,5	13,5	Dưới cấp V	5-5	BTXM	BTXM	560		Nâng cấp
63,2	Tuyển nhánh 1	Đường bê tông	Đất ông Nam	3,5	13,5	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	190		Nâng cấp
63.2.1	Tuyển nhánh 1.1	Thửa 42-18	Thửa 11-18	3	13	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	80		Nâng cấp
63,3	Tuyển nhánh 2	Nhà bà Hà	Nhà ông Đới	3,5	13,5	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	125		Nâng cấp
65	Định An 64	ĐH 715	Nhà bà Trương	4	14	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	60		Nâng cấp
64	Định An 65	ĐH 715	Văn Phòng áp	4	14	Dưới cấp V	5-5	BTXM	BTXM	70		Nâng cấp
66	Định An 66	ĐH 715(bà Trưa)	Nhà ông Minh	4	14	Dưới cấp V	5-5	BTN	BTN	350		Nâng cấp
67	Định An 67	Đất ông Xuyên	hết thửa đất 382 - 18	2,5	12,5	Dưới cấp V	5-5	0	0	0		Nâng cấp
68	Định An 68	Lô 92	Giáp ranh Long Hòa	0	10	Dưới cấp V	5-5	SĐ	BTXM	260		Nâng cấp
69	Định An 69	ĐH 715(ông Thức)	Nhà ông Trong	4	14	Dưới cấp V	5-5	BTN, SĐ	BTN, BTXM	950		Nâng cấp
70	Định An 70	ĐH 715(ông Hải)	Nhà ông Thường	3,5	13,5	Dưới cấp V	5-5	BTXM	BTXM	200		Nâng cấp
71	Định An 71	0	0	0	10	Dưới cấp V	5-5	0	0	0		Nâng cấp
71,1	Tuyển chính	ĐH 715(ông Vân)	Nhà ông Ngải	4	14	Dưới cấp V	5-5	BTXM	BTXM	590		Nâng cấp
71,2	Tuyển Nhánh	Tuyển chính	Đất ông Phong (34-28)	4,5	14,5	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	66		Nâng cấp
72	Định An 72	ĐH 715 (ông Lợi)	Nhà ông Rô	4	14	Dưới cấp V	5-5	BTN	BTN	500		Nâng cấp
73	Định An 73	ĐH 715 (ông Lợi)	Nhà ông Thanh	4	14	Dưới cấp V	5-5	SĐ	BTXM	900		Nâng cấp
74	Định An 74	0	0	0	10	Dưới cấp V	5-5	0	0	0		Nâng cấp
74,1	Tuyển chính	Nhà ông Giang	Nhà ông Kế	4	14	Dưới cấp V	5-5	Láng nhựa	Láng nhựa	510		Nâng cấp
74,2	Nhánh 1	Tuyển chính	Nhà ông Quy	3	13	Dưới cấp V	5-5	BTXM	BTXM	180		Nâng cấp
74,3	Nhánh 2	Tuyển chính	Nhà bà Thảo	3	13	Dưới cấp	5-5	BTXM	BTXM	250		Nâng cấp

74,4	Nhánh 3	Tuyển chính	Nhà ông Dị	3	13	Dưới cấp V	5-5	BTXM	BTXM	280		Nâng cấp
74,5	Nhánh 4	Tuyển chính	Nhà ông Thọ	3	13	Dưới cấp V	5-5	BTXM	BTXM	195		Nâng cấp
74,6	Nhánh 5	Tuyển chính	Nhà ông Hình	3	13	Dưới cấp V	5-5	BTXM	BTXM	260		Nâng cấp
75	Định An 75	0	0	0	10	Dưới cấp V	5-5	0	0	0		Nâng cấp
75,1	Tuyển chính	Nhà ông 5 Lộc(ĐT 744)	Nhà ông 8 Thon	3,5	13,5	Dưới cấp V	4-4	BTXM	BTXM	1.450	2025-2030	Nâng cấp (nâng cấp thành đường liên xã theo đề án giao thông của huyện)
75,2	Tuyển nhánh	Tuyển chính	Nhà bà Khanh	4	14	Dưới cấp V	5-5	BTXM	BTXM	200		Nâng cấp
76	Định An 76	0	0	0	10	Dưới cấp V	5-5	0	0	0		Nâng cấp
76,1	Tuyển chính	Đường ĐT 744	Đường vành đai núi Cầu	4	14	Dưới cấp V	5-5	SĐ	BTXM	1.125		Nâng cấp
76,2	Tuyển nhánh 1	Tuyển chính	Nhà bà Nổi	3,5	13,5	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	160		Nâng cấp
76,3	Tuyển nhánh 2	Ngã 3 (bà Phố)	Nhà ông Nhân	4	14	Dưới cấp V	5-5	SĐ	BTXM	700		Nâng cấp
76.3.1	Tuyển nhánh 2.1	Tuyển nhánh 2	Thửa 1-10	4	14	Dưới cấp V	5-5	SĐ	BTXM	250		Nâng cấp
76,4	Tuyển nhánh 3	Định An 76		4	14	Dưới cấp V	5-5	BTXM	BTXM	706		Nâng cấp
77	Định An 77	Nhà ông Nga Hiếu	Nhà bà Kính	3,5	13,5	Dưới cấp V	5-5	BTXM	BTXM	232		Nâng cấp
78	Định An 78	Đường ĐT 744	Nhà ông Cận	3	13	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	220		Nâng cấp
79	Định An 79	Đường ĐT 744	Nhà bà Sợi	3	13	Dưới cấp V	5-5	BTXM, SD	BTXM	555		Nâng cấp
80	Định An 80	Đường ĐT 744	Nhà ông Luận	2,5	12,5	Dưới cấp V	5-5	BTXM	BTXM	95		Nâng cấp
81	Định An 81	0	0	0	10	Dưới cấp V	5-5	0	0	0		Nâng cấp
81,1	Tuyển chính	Đường ĐT 744	Đất ông Cường (818-40)	4	14	Dưới cấp V	5-5	BTN, SD	BTN, BTXM	1.310		Nâng cấp
81,2	Tuyển nhánh	Tuyển chính	Đất bà Dương	4	14	Dưới cấp V	5-5	SĐ	BTXM	320		Nâng cấp
82	Định An 82	Đường ĐT 744	Nhà Lê Nghiêu	3	13	Dưới cấp	5-5	Đất	BTXM	120		Nâng cấp



83	Định An 83	Đường ĐT 744	Rẫy Dưng Trúc	4	14	Dưới cấp V	5-5	SĐ	BTXM	400		Nâng cấp
84	Định An 84	Đường ĐT 744	Nhà ông Ba Lòng	3	13	Dưới cấp V	5-5	SĐ	BTXM	630		Nâng cấp
84	Định An 85	Đường ĐT 744	ĐA87 (thửa 2593 - 40)	4	14	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	200		Nâng cấp
86	Định An 86	Đường ĐT 744	Đất ông Phúc (669 - 40)	3	13	Dưới cấp V	5-5	SĐ	BTXM	900		Nâng cấp
87	Định An 87	Đường ĐT 744	Đất bà Bảy (2331- 40)	3	13	Dưới cấp V	5-5	SĐ	BTXM	900		Nâng cấp
88	Định An 88	0	0	0	10	Dưới cấp V	5-5	0	0	0		Nâng cấp
88,1	Tuyến chính	Đường ĐT 744	Nhà ông Hồng	4	14	Dưới cấp V	4-4	BTN, Láng nhựa, SĐ	BTN, Láng nhựa, BTXM	4.200	2025- 2030	Nâng cấp (nâng cấp thành đường liên xã theo đề án giao thông của huyện)
88,2	Tuyến nhánh 1	Nhà bà Giàu	Thửa 2111- 40	3	13	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	52		Nâng cấp
88,3	Tuyến nhánh 2	Nhà ông Xô	Định An 90	4	14	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	800		Nâng cấp
88,4	Tuyến nhánh 3	NVH áp	Thửa đất 255-40	3	13	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	350		Nâng cấp
88,5	Tuyến nhánh 4	Ngã 3 (bà 5 Lễ)	Núi Cậu	4	14	Dưới cấp V	5-5	SĐ	BTXM	1.510		Nâng cấp
88,5.1	Tuyến nhánh 4.1	Thửa 108-41	Thửa 488-42	4	14	Dưới cấp V	5-5	SĐ	BTXM	340		Nâng cấp
88,6	Tuyến nhánh 5	Nhà ông Sơn (ĐA91)	Đất ông Mỹ	4,5	14,5	Dưới cấp V	5-5	SĐ	BTXM	420		Nâng cấp
88,7	Tuyến nhánh 6	Đất ông Kiệt (ĐA 91)	Đất ông Xuân Hoàng	5	15	Dưới cấp V	5-5	SĐ	BTXM	300		Nâng cấp
88,8	Tuyến nhánh 7	Ngã 3 (bà 8 nghiệp)	Đất ông Hoàn	3	13	Dưới cấp V	5-5	SĐ	BTXM	1.200		Nâng cấp
88,9	Tuyến nhánh 8	Ngã 3 (bà Vân)	Nhà ông Kinh	4	14	Dưới cấp V	5-5	BTN, SĐ	BTN, BTXM	1.000		Nâng cấp
89	Định An 89	0	0	0	10	Dưới cấp V	5-5	0	0	0		Nâng cấp
89,1	Tuyến chính	Đường ĐT 744	Giáp Minh Tân (Ông Út)	4	14	Dưới cấp V	4-4	Láng nhựa, BTXM	Láng nhựa, BTXM	2.700	2025- 2030	Nâng cấp (nâng cấp thành đường liên xã theo đề án giao thông của huyện)

89,2	Tuyến nhánh 1	Tuyến chính	Thửa 3486-40	5	15	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	875		Nâng cấp
89,3	Tuyến nhánh 2	Tuyến chính	Thửa 2236-40	4	14	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	174		Nâng cấp
89,4	Tuyến nhánh 3	Định An 92	Đất ông Hoan Thửa 702	3	13	Dưới cấp V	5-5	SĐ	BTXM	400		Nâng cấp
89,5	Tuyến nhánh 4	ông Găng	ông Minh	4	14	Dưới cấp V	5-5	BTN	BTN	600		Nâng cấp
90	Định An 90	Đường ĐT 744	Nhà Ông Việt	5	15	Dưới cấp V	4-4	SĐ	BTXM	2.050	2025-2030	Nâng cấp (nâng cấp thành đường liên xã theo đề án giao thông của huyện)
91	Định An 91	Đường ĐT 744	Nhà bà Thanh	4	14	Dưới cấp V	5-5	SĐ	BTXM	180		Nâng cấp
92	Định An 92	0	0	0	10	Dưới cấp V	5-5	0	0	0		Nâng cấp
92,1	Tuyến chính	Đường ĐT 744	Nhà bà Hạnh	4	14	Dưới cấp V	5-5	SĐ	BTXM	550		Nâng cấp
92,2	Tuyến nhánh	Tuyến chính	Hết trại gà bà Ân	3	13	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	250		Nâng cấp
93	Định An 93	0	0	0	10	Dưới cấp V	5-5	0	0	0		Nâng cấp
93,1	Tuyến chính	Đường ĐT 744	Bờ hồ (Cao trình 24.4)	5	15	Dưới cấp V	5-5	SĐ, Đất	BTXM	193		Nâng cấp
93,2	Tuyến nhánh	Tuyến chính (527-38)	Đất ông Hiến (220-38)	4	14	Dưới cấp V	5-5	SĐ	BTXM	90		Nâng cấp
94	Định An 94	0	0	0	10	Dưới cấp V	5-5	0	0	0		Nâng cấp
94,1	Tuyến chính	Bà Thủy Lượm	Bờ hồ (nhà ông Dữ)	4	14	Dưới cấp V	4-4	BTN, SĐ	BTN, BTXM	2.500	2025-2030	Nâng cấp (nâng cấp thành đường liên xã theo đề án giao thông của huyện)
94,2	Tuyến nhánh 1	Tuyến chính (ông Nhịn)	Đất ông 2 Tây	3,5	13,5	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	80		Nâng cấp
94,3	Tuyến nhánh 2	Tuyến chính (ông Dững)	bờ hồ	2,5	12,5	Dưới cấp V	5-5	0	0	40		Nâng cấp
95	Định An 95	Đường HQL1	Đất ông Cư	4	14	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	220		Nâng cấp
96	Định An 96	Ranh xã Minh Tân (ông Dững)	Thửa 266-38	3	13	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	380		Nâng cấp

97	Định An 97	Ranh Minh Tân (Thửa 114-38)	Thửa 138-38	4	14	Dưới cấp V	5-5	SĐ	BTXM	362		Nâng cấp
98	Định An 98	0	0	0	10	Dưới cấp V	5-5	0	0	0		Nâng cấp
98,1	Tuyến chính	Sòi đò (giáp Minh Tân)	Đất ông Hoàn	4	14	Dưới cấp V	5-5	SĐ	BTXM	890		Nâng cấp
98,2	Tuyến Nhánh	Tuyến chính	Kênh Phước Hòa	4	14	Dưới cấp V	5-5	Đất	BTXM	190		Nâng cấp
CÁC TUYẾN ĐƯỜNG XÃ (MỞ MỚI)										7.390		
1	Định An M01	Định An 23	ĐT 744B			Dưới cấp V	5-5		BTXM	550		Mở mới
2	Định An M02	ĐH 715	ĐH 701ND			Dưới cấp V	5-5		BTXM	1610		Mở mới
3	Định An M03	Định An 09	Định An 14			Dưới cấp V	5-5		BTXM	371		Mở mới
4	Định An M05	Định An 90	Nhánh 4 - Định An 88			Dưới cấp V	5-5		BTXM	523		Mở mới
5	Định An 94ND	ĐH 724	Định An 94			Dưới cấp V	5-5		BTXM	423		Mở mới
6	Định An 86ND	Định An 86	Định Ann 54ND			Dưới cấp V	5-5		BTXM	416		Mở mới
7	Định An 54ND	Nhánh 3 - Định An 89	Định An 54			Dưới cấp V	5-5		BTXM	490		Mở mới
8	Định An 08ND	Nhánh 1 - Định An 23	Định An 08			Dưới cấp V	5-5		BTXM	156		Mở mới
9	Định An 20ND	Định An 20-Đ1	Định An 20-Đ2			Dưới cấp V	4-4		BTXM	504	2025-2030	Nâng cấp (nâng cấp thành đường liên xã theo đề án giao thông của huyện)
10	Định An 75ND	Định An 75	Định An 28			Dưới cấp V	4-4		BTXM	982	2025-2030	Nâng cấp (nâng cấp thành đường liên xã theo đề án giao thông của huyện)
11	Định An 55ND	Định An 55	ĐT 744B			Dưới cấp V	5-5		BTXM	58		Mở mới
12	Định An 27ND	Định An 27	Định An 33			Dưới cấp V	5-5		BTXM	362		Mở mới
13	Định An 33ND	Định An 33	Định An 61			Dưới cấp V	5-5		BTXM	168		Mở mới
14	Định An 69ND	Nhánh 1 - Định An 67	Định An 69			Dưới cấp V	5-5		BTXM	330		Mở mới

15	Định An 67ND	Định An 67	Định An M02			Dưới cấp V	5-5		BTXM	168		Mở mới
16	Định An 66ND	Định An 66	Định An 67			Dưới cấp V	5-5		BTXM	145		Mở mới
17	Định An 30ND	Định An 30	Nhánh - Định An 27			Dưới cấp V	5-5		BTXM	52		Mở mới
18	Định An 31ND	Định An 31	Định An 27ND			Dưới cấp V	5-5		BTXM	23		Mở mới
19	Định An 59ND	Định An 59	Định An 62			Dưới cấp V	5-5		BTXM	59		Mở mới
CÁC TUYẾN ĐƯỜNG NÔNG TRƯỜNG BAN GIAO										4.151		
1	Định An M06	Định An 53 (Nhà bà Trang ấp An Thới)	Định An 47 (hết lô 77E gần nhà ông Hiền ấp An Thới)			Dưới cấp V	5-5		BTXM	887		Đường nông trường cao su bàn giao
2	Định An M07	Nhánh 1 - Định An 55 Lô 79 (ấp Định Thới)	Nhà Bà Hữu (Lô 79)			Dưới cấp V	5-5		BTXM	533		Đường nông trường cao su bàn giao
3	Định An M08	Định An 46 (Nhà ông Hường , ấp An Thới)	Nhà ông Sơn (Lô 87)			Dưới cấp V	5-5		BTXM	386		Đường nông trường cao su bàn giao
4	Định An M09	Định An 40 (Nhà bà Tuyên, ấp An Thới)	Nhà ông Châu (Lô 87)			Dưới cấp V	5-5		BTXM	305		Đường nông trường cao su bàn giao
5	Định An M10	Định An 40 (Nhà ông Ban, An Thới)	Định An 63 (Nhà Bà dung ấp An Thọ, lô 86A)			Dưới cấp V	5-5		BTXM	1420		Đường nông trường cao su bàn giao
6	Định An M11	Định An 14 (Nhà ông Nam, ấp An Phước)	Lô 50			Dưới cấp V	5-5		BTXM	360		Đường nông trường cao su bàn giao
7	Định An M12	Định An M11 (Nhà ông Phúc, lô 51 (An Phước)	Lô 51 (Nhà bà Chải)			Dưới cấp V	5-5		BTXM	260		Đường nông trường cao su bàn giao
Tổng												